

**Phụ lục I: Danh mục hàng hóa**

(Đính kèm thông báo yêu cầu mời báo giá gói thầu "Mua sắm vật tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi năm 2023")

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
1	Bông tăm cotton sát trùng (alcohol swab)	Chất liệu: vải không dệt có tăm cotton 70% Kích thước gạc: 5cm x 6cm x 2 lớp. Đóng gói riêng từng miếng trong bao nhôm giấy.	346.854	Miếng
2	Bông viên	Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, không mùi, bông có màu trắng. Đóng thành từng gói 500gram riêng biệt	2.374	Kg
3	Vật liệu trám răng	Keo dán một thành phần, độ bền dán cao. Dán được trên men và ngà, có nắp đóng an toàn	21	Cái
4	Bông gạc đắp vết thương 15 x 20cm	Bông gạc kích thước 15cm x 20cm đóng gói tiết trùng riêng lẻ từng miếng	1.750	Miếng
5	Bông gạc đắp vết thương 5cm x 8cm cân quang, tiết trùng	Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Khả năng hút nước: Trung bình 1g gạc giữ được từ 5g nước trở lên, kích thước 5cm x 5cm x 8 lớp	5.120	Cái
6	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 12 cm	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 12cm, Khả năng giữ nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥100g nước	20.180	Miếng
7	Bông gạc đắp vết thương tiết trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	Được làm từ bông hút nước 100% cotton và gạc Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp, đóng gói tiết trùng	301.800	Miếng
8	Bông mỡ cuộn 0,1m x 2m	Bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông. Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi. Kích thước 0,1m x 2m	2.877	Cuộn
9	Bông vệ sinh tai	Tăm bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi	69300	Que
10	Tăm bông bệnh phẩm vô trùng	Cán gỗ, đóng gói tiết trùng từng que	15.022	Que
11	Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm (mẫu tỵ hầu)	Cán nhựa, có điểm ngắt. Đầu bông bằng sợi nylon tổng hợp	30000	Que
12	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh có chứa Chlorhexidine Gluconate 0.5%	4.344	Chai
13	Cồn 70 độ hoặc tương đương	Cồn nồng độ 70% Quy cách chai 1 lít	9.799	Lít
14	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh ngoại khoa	Dung dịch vệ sinh tay thường quy và vệ sinh tay ngoại khoa Diệt virus HIV, Rotavirus, Coronavirus, H1N1, virus gây bệnh tay chân miệng, SARS trong 30 giây theo tiêu chuẩn EN 14476	2.385	Chai
15	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Dung dịch sát khuẩn tay phẫu thuật có chứa Chlorhexidine Gluconate 4%. Diệt virus HIV, Rotavirus, HBV, HCV	3.402	Chai
16	Dung dịch rửa tay thường quy	Dung dịch sát khuẩn tay thường quy có chứa Chlorhexidine Gluconate 2%	908	Chai
17	Dung dịch làm ấm vết thương	Sử dụng làm ấm băng gạc chăm sóc vết thương hoặc tắm ướt băng gạc trước khi thay gạc Diệt 99.9% các vi khuẩn Shigella flexneri, Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Escherichia coli và nấm Candida albicans trong thời gian tiếp xúc 10 phút	200	Chai
18	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, sử dụng với máy	Chất hoạt động bề mặt không ion, đảm bảo dụng cụ khô nhanh và không còn vết mờ ố sau khi rửa. Phù hợp với mọi chất lượng nước xả (nước chưa xử lý, nước mềm, nước khử khoáng...)	24	Lít
19	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ	Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt được virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia	480	Lít
20	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. pH = 6.8-7.3 Nồng độ sử dụng với máy rửa: từ 0.1%	925	Lít

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
21	Dung dịch ngâm dụng cụ và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Làm sạch và khử nhiễm. Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111	72	Lít
22	Hóa chất rửa màng lọc, dây máy	hóa chất rửa màng lọc và dây máy phù hợp máy chạy thận Fresenius Kabi	50	Lít
23	Dung dịch sát khuẩn xông phòng	Sử dụng kèm máy phun khử khuẩn Nồng độ dung dịch đảm bảo 1ml/1 mét khối, dung tích 1 lít và 2,5 lít cho từng bình.	350	Lít
24	Dung dịch tiệt trùng máy lọc thận	Tương thích với máy chạy thận Fresenius Kabi	70	Lít
25	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	dung dịch khử khuẩn máy chạy thận nhân tạo phù hợp hãng Fresenius Kabi	600	Lít
26	Băng bó bột thủy tinh	Băng bó bột sợi thủy tinh Kích thước 3 inches (7,5cm x 3,6m)	4	Cuộn
27	Băng bó bột 7,5cm x 2,7m	Kích thước: 7,5cm x 2,7m Thời gian cứng bột 2phút 15giây - 2phút 40 giây	4.215	Cuộn
28	Băng bó bột 10cm x 2,7m	Kích thước: 10cm x 2,7m Thời gian cứng bột 2phút 15giây - 2phút 40 giây	5.340	Cuộn
29	Băng bó bột 15cm x 2,7m	Kích thước: 15cm x 2,7m Thời gian cứng bột 2phút 15giây - 2phút 40 giây	473	Cuộn
30	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	Kích thước 10cm x 4,5m Thành phần: Cotton ≥ 70%, co giãn 200%	11.613	Cuộn
31	Băng thun có keo 6cm x 4,5cm	Chất liệu cotton 100%, có keo, có kiểm tra vi sinh	1.212	Cuộn
32	Băng thun y tế 15cm x 4,5m	Kích thước: 15cm x 4,5m Thành phần: Cotton ≥ 70%, co giãn 200%	30	Cuộn
33	Băng thun có keo 10cm x 4,5m	Thành phần chất liệu cao su thiên nhiên từ 50%, chất kết dính polymer acrylic: 10-20%, kích thước 10cm x 4,5m	2.165	cuộn
34	Băng thun có keo 8cm x 4,5m	Chất liệu cotton 100%, có keo, có kiểm tra vi sinh, kích thước 8cm x 4,5m	324	Cuộn
35	Băng keo vải	100% sợi cellulose acetate, keo không dùng dung môi, lực dính 1.8-5.5 N/cm, có kiểm tra vi sinh, kích thước 2,5cm x 9,1m	30.000	Cuộn
36	Băng cuộn 9cmx250cm	Nguyên liệu 100% sợi bông Kích thước 9cm x 250cm Không mùi	2.703	Cuộn
37	Băng keo cá nhân	Kích thước 2cm x 6cm, có gạc thấm hút ở giữa, sợi vải đàn hồi	500.000	Miếng
38	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 10m	Sợi polyester nền không đan dệt, có kiểm tra vi sinh	1.109	Cuộn
39	Băng keo y tế trong suốt 2,5cm x 9,14m	Nền băng plastic trong suốt: 70-80%. Nền keo Acrylate: 10-20%. Kích thước: 2,5cm x 9,14m	100	Cuộn
40	Băng kinesio hoặc tương đương	Làm từ chất liệu 100% cotton Không chứa cao su, chống thấm nước Có keo dính, không gây kích ứng	100	Cuộn
41	Băng keo có gạc vô trùng 90mm x 100 mm	Kích thước 90mm x 100mm, có miếng gạc thấm hút kích thước 45mm x 70mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	3.000	Miếng
42	Băng keo có gạc vô trùng 90mm x 150 mm	Kích thước 90mm x 150mm, có miếng gạc thấm hút kích thước 45mm x 113mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	2.820	Miếng
43	Băng keo có gạc vô trùng 90mm x 200mm	Kích thước 90mm x 200mm, có miếng gạc thấm hút kích thước 45mm x 158mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	360	Miếng
44	Băng keo có gạc vô trùng 90mm x 250mm	Kích thước 90mm x 250mm, có miếng gạc thấm hút kích thước 45mm x 194mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	120	Miếng
45	Băng keo có gạc vô trùng 53mm x 70mm	Kích thước 53mm x 70mm có miếng gạc thấm hút kích thước 35mm x 28 mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	13.290	Miếng
46	Băng keo có gạc vô trùng 70 mm x 100 mm	Kích thước 70mm x 100mm, có miếng gạc thấm hút kích thước 35mm x 70mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m <sup>2</sup> , tiệt trùng	1.910	Miếng
47	Băng trong phẫu trường 6cm x 7cm	Giấy lót phủ Silicon: 5-65%; Film Polymer Urethane: 5-15%; Keo Acrylate: 5-25%. Kích cỡ 6cm x 7cm	5.095	Miếng
48	Băng trong phẫu trường 10cm x 12cm	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% Kích cỡ: 10cm x 12cm	18.000	Miếng

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
49	Băng film trong cố định kim luân tích hợp gel Chlohexidine	Kích thước 10cmx12cm Có tích hợp gel chlohexidene 2%	12	Miếng
50	Băng trong phẫu trường vô trùng cố định kim luân viền tròn, dùng cho buồng tim dưới da	Kích thước 7cm x 8,5cm Có tích hợp gel chlohexidene 2%	290	Miếng
51	băng xốp 15x20cm	siêu thấm, hút dịch, chống dính vết thương 15x20cm	60	Miếng
52	băng xốp 35x50cm	siêu thấm, hút dịch gấp 15 đến 20 lần trọng lượng băng, chống dính vết thương.	100	Miếng
53	Băng dán điều trị loét cho vùng cụt	chống trượt da, giúp chống thấm nước, chống lan rộng vết thương, thời gian lưu hơn 4 ngày	50	Miếng
54	Băng dán điều trị vết thương tiết dịch	thấm hút nhanh, duy trì tình trạng ẩm cho vết thương, giảm thiểu tình trạng ứng da	50	Miếng
55	Bông gạc băng mắt	Bông gạc kích thước 5x7cm, hình oval, đóng gói tiết trùng	480	Miếng
56	Gạc 5cm x 8cm không vô trùng	Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Khả năng hút nước: Trung bình 1g gạc giữ được từ 5g nước trở lên, kích thước 5cm x 5cm x 8 lớp	11.000	Miếng
57	Gạc cân bằng ẩm diệt trùng	Gạc được tẩm mật ong y tế Độ PH ổn định từ 3.0 - 4.5 Kích thước 5cm x 5cm	60	Miếng
58	Gạc dẫn lưu 1x200cmx4 lớp	Làm từ vải không dệt Kích thước 1x 200cm x 4 lớp	1.410	Miếng
59	Gạc meche 2cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Làm từ vải không dệt Kích thước 2x 200cm x 4 lớp	120	Miếng
60	Gạc đắp vết thương 10 x 10cm có gòn, vô trùng	Gạc được dệt từ sợi Cotton. Kích thước 10cm x 10cm. Cấu tạo gồm có lớp bông gòn ở giữa	120	Miếng
61	Gạc ép sọ não cân quang tiết trùng size: 1cmx4cmx4 lớp	Gạc ép sọ não 1cm x 4cm x 4 lớp; được tiết trùng bằng khí EO, có sợi cân quang, được dệt từ sợi cotton 100%	4.800	Miếng
62	Gạc ép sọ não cân quang tiết trùng size: 1cmx8cmx4 lớp	Gạc ép sọ não 1cm x 8cm x 4 lớp; được tiết trùng bằng khí EO, có sợi cân quang, được dệt từ sợi cotton 100%	3.900	Miếng
63	Gạc ép sọ não cân quang tiết trùng size: 2cmx4cmx4 lớp	Gạc ép sọ não 2cm x 4cm x 4 lớp; được tiết trùng bằng khí EO, có sợi cân quang, được dệt từ sợi cotton 100%	3.600	Miếng
64	Gạc ép sọ não vải không dệt cân quang tiết trùng 2cmx8cmx 4 lớp	Gạc ép sọ não 2cm x 8cm x 4 lớp; được tiết trùng bằng khí EO, có sợi cân quang, được dệt từ sợi cotton 100%	4.800	Miếng
65	Gạc kháng khuẩn hút dịch thành gel Suprasorb G hoặc tương đương	dùng cho vết thương cấp tính, mãn tính từ khô đến vừa, hấp thụ dịch tiết mảnh vụn vết thương	120	Miếng
66	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, cân quang vô trùng	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có sợi cân quang. Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp, đóng gói tiết trùng	400.000	Miếng
67	Gạc phẫu thuật 40cm x 60cm x 6 lớp, cân quang vô trùng	Chất liệu cotton, kích thước 40cm x 60cm x 6 lớp, có sợi cân quang	1.200	Miếng
68	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 10 x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng	Chất liệu cotton, kích thước 10cm x 40cm x 6 lớp, có sợi cân quang	33.600	Miếng
69	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 30x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng	Chất liệu cotton, kích thước 30cm x 40cm x 6 lớp, có sợi cân quang	22.000	Miếng
70	Gạc chống dính vết thương Solvaline N hoặc tương đương	Lõi siêu thấm hút, 2 màng có màng firm đục lỗ, giúp hút dịch nhanh chống dính vào vết thương.	240	Miếng
71	Gạc xếp (10 x10) không vô trùng	Được làm từ bông hút nước 100% cotton Kích thước: 10cm x 10cm, không vô trùng	72.000	Miếng
72	Gạc y tế khổ 0,8m	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác Kích thước 0.8m	780	Mét
73	Gạc y tế tiết trùng 5cm x 5cm x 8 lớp	Được làm từ bông hút nước 100% cotton và gạc Kích thước: 5cm x 5cm x 8 lớp	70.930	Miếng
74	Gạc y tế tiết trùng 5cm x 7,5cm x 8 lớp	Được làm từ bông hút nước 100% cotton và gạc Kích thước: 5cm x 7,5cm x 8 lớp	26.400	Miếng
75	Gạc Alginate vô trùng 100 x100mm hoặc tương đương	Thành phần: Sợi không dệt, mềm, chiết xuất từ rong biển - Hấp thụ dịch trên 15-20 lần trọng lượng gạc; - Tạo gel khi tiếp xúc với dịch vết thương, - Đóng gói tiết khuẩn, đựng trong từng túi riêng. Kích thước 100x100mm	270	Miếng
76	Gạc cố định kim luân có xẻ rãnh	làm từ vải không dệt, co giãn tốt, độ dính cao, thấm hút dịch và che chắn cố định kim luân	600	Miếng
77	Gạc hút dịch chống loét HETIS PU FOAM hoặc tương đương	Độ dày 5mm; Sản phẩm được tiết khuẩn, đựng trong từng túi riêng	240	Miếng

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
78	Gạc silver Alginate kháng khuẩn 100 x 100 hoặc tương đương	Kháng khuẩn, vải không dệt, làm từ rong biển và ion bạc kích cỡ 100x100mm	140	Miếng
79	Gạc hút dịch chống loét kháng khuẩn HETIS SILVER FOAM hoặc tương đương	dùng vết thương có độ sâu vừa phải, tiết dịch trung bình đến nhiều, dễ nhiễm trùng, kích cỡ 100x100mm	240	Miếng
80	Lưới Vicryl Mesh hoặc tương đương	thành phần Polyglactin 910; kích thước 11x13,5cm	5	Miếng
81	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 100 x 70mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 100x70mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	240	Miếng
82	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 150 x 90mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 100x90mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	120	Miếng
83	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 200 x 90mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 200x90mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	220	Miếng
84	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 53 x 80mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 53x80mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	660	Miếng
85	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 120 x 90mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 120x90mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	60	Miếng
86	Băng có gạc vô trùng, không thấm nước 73 x 80mm	Đóng gói tiệt trùng, có kích thước 73x80mm, màng film có thể thoát hơi nước, kèm gạc thấm hút	60	Miếng
87	băng xốp chống loét Urgo Arsoorb 10cm x 10cm hoặc tương đương	dùng cho vết thương mãn tính, tiết dịch nhiều 10cm x10cm	200	Miếng
88	băng xốp chống loét Urgo Arsoorb 15cm x 20cm hoặc tương đương	dùng cho vết thương mãn tính, tiết dịch nhiều 15cm x20cm	300	Miếng
89	gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử Urgoclean 10cm x 10cm hoặc tương đương	chống nhiễm trùng hút dịch mủ, tăng tốc độ làm sạch vết thương, chống loét 10 x10cm	600	Miếng
90	gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử Urgoclean 15cm x 20cm hoặc tương đương	chống nhiễm trùng hút dịch mủ, tăng tốc độ làm sạch vết thương, chống loét 15 x20cm	600	Miếng
91	Urgosorb dạng cuộn 30cm x 2.2cm hoặc tương đương	vô khuẩn, thấm hút và tạo gel ở môi trường ẩm, dạng cuộn 30cm x2,2cm	20	cuộn
92	Urgosorb Silver 2.5cm x 30cm hoặc tương đương	vô khuẩn, thấm hút và tạo gel ở môi trường ẩm, có ion bạc	10	cuộn
93	Gạc lưới đắp phồng 10cm x 10cm	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester, vaseline	1.708	miếng
94	băng xốp chống loét urgotul absorb 10cm x12cm hoặc tương đương	dùng cho vết thương mãn tính tiết dịch nhiều, điều trị tại chỗ các vết thương có loét do ung thư.	636	Miếng
95	Gạc lưới đắp phồng 10cm x 12cm	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester, TLC- Ag, bạc sulphat 0.50+/-0.12mg/cm <sup>2</sup> , kích thước 10cm x 12cm	2.391	Miếng
96	Gạc lưới đắp phồng 15cm x 20cm	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester, TLC- Ag, bạc sulphat 0.50+/-0.12mg/cm <sup>2</sup> , kích thước 15cm x 20cm	894	Miếng
97	Keo cầm máu sinh học	keo hỗ trợ cầm máu từ trong quá trình phẫu thuật, ngăn ngừa nguy cơ hình thành sự kết dính sau phẫu thuật	50	Tuýp
98	Keo dán da	keo da, dán mesh nội soi	120	Tuýp
99	Miếng cầm máu, vật liệu cầm máu Spongostan bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, không tan 8x5x 1cm hoặc tương đương	Cầm máu trong vòng 2-3 phút, tự tiêu hoàn toàn trong vòng 3 ngày (mô ướt), tối đa là 4 tuần, thấm hút gấp 45-50 lần trọng lượng sản phẩm, độ PH = 7	435	Miếng
100	Miếng Sáp cầm máu xương	Đóng gói tiệt trùng Có thành phần từ sáp ong	1.400	Miếng
101	Vật liệu cầm máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp Kích thước: 10cm x 20 cm	1.040	Miếng
102	Vật liệu cầm máu mũi	Kích thước 8cm x rộng 2cm x dày 1.5cm Vật liệu không có xơ vải, không hoá chất, không bột, không gây hại môi trường Không gây khó thở khi sử dụng	299	Miếng
103	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu kích thước 5.1 x 10.2cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp Kích thước: 5.1 x 10.2cm	80	Miếng
104	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa không kèm kim, đầu bơm tiêm to dùng để nuôi ăn. Pit tông có khóa bẻ gãy để huy sau khi sử dụng	990	Cái
105	Bơm liền kim 0,3cc, 1cc	Kim vát 3 mặt, đầu kim có phủ silicone	3.770	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
106	Bơm tiêm 10ml khóa xoắn	Bơm tiêm điện 10ml đầu khóa xoắn, vạch chia rõ ràng, dễ đọc, tiệt trùng, khóa chống tràn 2 lớp, cánh rộng, chỗ ấn ngón cái rộng, thể tích tồn lưu chỉ 1ml, tương thích với máy bơm tiêm điện Fresenius Kabi	14.400	Cái
107	Bơm tiêm 3ml kim đầu khóa xoắn	Bơm tiêm có đầu luer lock trong suốt phủ silicone, tiệt trùng, không DEHP, không latex, có vạch chia dễ đọc	60.120	Cái
108	Bơm tiêm 5ml kim đầu khóa xoắn	Bơm tiêm có đầu luer lock trong suốt phủ silicone, tiệt trùng, không DEHP, không latex, có vạch chia dễ đọc	45.600	Cái
109	Bơm tiêm cân từ	Ống bơm thuốc cân từ 2 nòng, chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng spike, không DEHP, bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm cân từ 65ml, 1 bơm tiêm nước muối, 2 spike, 1 dây nối chữ T chống xoắn, tiệt khuẩn	24	Cái
110	Bơm tiêm 20ml đầu khóa xoắn	Bơm tiêm điện 20ml đầu khóa xoắn, tiệt trùng, khóa chống tràn 2 lớp, cánh rộng, chỗ ấn ngón cái rộng, thể tích tồn lưu chỉ 1ml, tương thích với máy bơm tiêm điện Fresenius Kabi	50000	Cái
111	Bơm tiêm 50ml đầu khóa xoắn	Bơm tiêm điện 50ml đầu khóa xoắn, tiệt trùng, khóa chống tràn 2 lớp, cánh rộng, chỗ ấn ngón cái rộng, thể tích tồn lưu chỉ 1ml, tương thích với máy bơm tiêm điện Fresenius Kabi	500.000	Cái
112	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 1ml, cỡ kim 25G, 26G	202.100	Cái
113	Bơm tiêm 3ml kim 23G	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 3ml, cỡ kim 23G	1.000.000	Cái
114	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 5ml, cỡ kim 23G, 25G	425.230	Cái
115	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 10ml, cỡ kim 23G, 25G	546.380	Cái
116	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	63.520	Cái
117	Bộ bơm tiêm cân quang 2 nòng	Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng/200ml, Chịu áp lực cao 400psi, nạp thuốc bằng ống hút nhanh, không DEHP, bộ đóng gói gồm 2 bơm tiêm, 1 ống hút, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm	240	Cái
118	Bộ bơm tiêm cân quang 1 nòng	Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng 150ml, chịu áp lực cao nhỏ hơn hoặc bằng 1200psi, Nạp thuốc bằng ống hút nhanh, không DEHP. Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm, 1 ống hút	480	Cái
119	Kim cánh bướm	Ống dây truyền dài 300mm Cánh bướm làm bằng nhựa Có nhiều kích thước khác nhau 23G, 24G, 25G	3.220	Cái
120	Kim dùng cho bùồng tiêm cấy dưới da các cỡ	- Kim gấp góc có đế cố định - Chiều dài 15mm	2.000	Cái
121	Kim lấy mẫu máu thử đường huyết	- Kim nằm trong vỏ nhựa bảo vệ, đóng gói tiệt trùng từng cái. - Kim không lồi trước và sau khi sử dụng, có nắp đậy sau khi sử dụng	20.000	Cái
122	Kim luồn an toàn 22G có cánh không cửa	Có đầu bảo vệ bằng kim loại Có 4 đường cân quang ngầm Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml/phút	32.000	Cái
123	Kim luồn an toàn 24G có cánh không cửa	Có đầu bảo vệ bằng kim loại Có 4 đường cân quang ngầm Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút	300.000	Cái
124	Kim luồn an toàn 20G có cánh không cửa	Có đầu bảo vệ bằng kim loại. Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 60ml/phút	240	Cái
125	Kim luồn có cánh có cửa	Có đầu bảo vệ bằng kim loại, có 4 đường cân quang ngầm	5.000	Cái
126	Kim luồn tĩnh mạch không cánh không cửa các số các số	- Kim luồn tĩnh mạch loại tròn, không cánh không cửa. - Có vạch cân quang - Có thể sử dụng khi chụp MRI - Tiệt trùng, thời gian lưu kim 96h	7.266	Cái
127	Kim số 19G	Số 19G x 1,5inch, có màng lọc 5micron, có luer lock	12.000	Cái
128	Kim pha thuốc các cỡ	Độ dài từ 36mm đến 39mm, độ vát mũi kim góc khoảng 12 độ	849.760	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
129	Nắp đậy bơm tiêm bằng nhựa, tiết trùng, có luer lock	bằng nhựa, tiết trùng từng cái, có đầu khóa xoắn	24.000	Cái
130	Nút vận kim luồn	Có cổng tiêm thuốc không chứa latex, đóng gói vô trùng, đầu luer lock	216.560	Cái
131	Kim chọc dò tủy sống số 22G	Kim 3 mặt vát, có cánh cầm khi bơm thuốc 22G	2.824	Cái
132	Kim chọc dò tủy sống số 25G	Kim 3 mặt vát, có cánh cầm khi bơm thuốc 25G	1.524	Cái
133	Kim chọc tủy xương	Chiều dài kim 43mm điều chỉnh được từ 23mm - 60mm	50	Cái
134	Kim tê tủy thần kinh	Kim dài 50mm và 100mm, cách điện, thân kim có chia vạch. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc. Có dây dẫn điện dùng được với máy kích thích thần kinh.	24	Cái
135	Kim chạy thận nhân tạo 17G	Cỡ 17G Có mắt trên kim Có cánh xoay được Tiết trùng	8.400	Cái
136	Kim sinh thiết 16Gx10cm	Kim sinh thiết tự động. Làm từ thép không gỉ. Đường kính 16G. Chiều dài 10cm	24	Cái
137	Kim sinh thiết 16Gx13cm	Kim sinh thiết tự động. Làm từ thép không gỉ. Đường kính 16G. Chiều dài 13cm	72	Cái
138	Kim sinh thiết 16Gx16cm	Kim sinh thiết tự động. Làm từ thép không gỉ. Đường kính 16G. Chiều dài 16cm	24	Cái
139	Kim sinh thiết gan	Gồm Kim chọc, Sheath với cây đẩy kim loại, ống thông thẳng, ống thông cong, tấm bông. Kim cỡ 18 -> 19G bằng thép không gỉ. sheath 7Fr x 60cm, catheter đầu cong cỡ 5Fr, dài 76cm, catheter đầu thẳng cỡ 5Fr, dài 65cm, tiết trùng bằng EO	12	Cái
140	Kim sinh thiết thận	Độ sâu thâm nhập 10-20mm - Thân ống có vạch chia độ; có đánh dấu siêu âm bên trong - Đường kính kim: 14-20G; Chiều dài: 70-250mm, tiết trùng, không chứa latex	34	Cái
141	Bộ dây nối dài tiêm tĩnh mạch 140cm	Trong suốt, không có chất phụ gia DEHP, dài 140cm Thể tích tồn dư 0,9ml	130.000	Cái
142	Dây nối 15cm	- Dây dài 15cm, đầu xoắn - Đường kính trong 1.3mm - Thể tích tồn dư nhỏ hơn 0.2ml - Không có chất phụ gia DEHP	940	Cái
143	Dây truyền dịch 20 giọt/ml nuôi ăn	Dây truyền dịch 20 giọt không có màng lọc	110.000	Bộ
144	Dây truyền dịch 20 giọt/ml, có lọc, có air, có luer lock	- Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Có màng lọc - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Không có chất phụ gia DEHP	60.000	Cái
145	Dây truyền dịch 60 giọt có bầu pha thuốc tự động ngắt khi hết dịch	- Màng lọc có chức năng ngăn ngừa vi khuẩn - Có bầu 150 ml dùng pha thuốc, tự động khóa khi hết dịch - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Không có chất phụ gia DEHP - Đường kính trong dây: 3 mm. - Có 2 khóa chỉnh giọt trên và dưới bầu định mức	240	Cái
146	Dây truyền dịch chính xác 60 giọt không bầu	Dây truyền dịch chính xác 60 giọt, không chứa DEHP, tiết trùng	9.500	Sợi
147	Dây truyền dịch chính xác có bầu	- Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Có màng lọc - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Không có chất phụ gia DEHP	3.600	Sợi
148	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Dây nối dài 150cm, đầu nối vận xoắn chống rò rỉ, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. Tiết trùng	69.960	Cái
149	Bộ truyền máu hoàn hồi	Bộ lọc máu hoàn hồi - Bầu bơm ly tâm (bowl): kích cỡ bầu chứa 55ml; 125ml; 175ml và 225ml - Bình thu hồi máu	20	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
150	Dây truyền máu có độ chính xác cao	-Chiều dài dây từ 150cm trở lên - Kim 21G	23.484	Bộ
151	Dây nối bơm áp lực	- Dây do áp lực chất liệu PVC, không co giãn - Chiều dài: 15mm tới 244mm	12	Cái
152	Dây nối bơm tiêm cân quang	- Chịu áp lực từ 500-1200 PSI - Chiều dài: 25cm tới 183 cm	552	Cái
153	Khóa 3 ngã	Chịu áp lực lên tới 7 bar, 3 ngã có vạt khoá, không có DEHP	50.000	Cái
154	Khóa 3 ngã kèm dây dẫn dài 25cm	Dây có vạt khoá, chịu áp lực lên tới 7 bar, dây nối dài 25cm	13.398	Cái
155	Găng tay cao su y tế khám bệnh không bột các size	Chất liệu cao su thiên nhiên, không bột Dùng được cả 2 tay; không tiết trùng. Trọng lượng trên 5g	40.000	Đôi
156	Găng tay khám cao su có bột	Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, dùng được cả 2 tay; không tiết trùng, trọng lượng trên 5g	1.000.000	Đôi
157	Găng tay phẫu thuật dài 490 - 500mm tiết trùng không bột	Chất liệu cao su thiên nhiên Đóng riêng từng đôi, dùng riêng từng tay Không có bột Vô trùng	1.200	Đôi
158	Túi hấp dẹp tiết trùng 200mm x 200m	- Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 200mm x 200m	250	Cuộn
159	Túi hấp tiết trùng 100mmx200m	- Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 100mm x 200m	186	Cuộn
160	Túi hấp tiết trùng 300mmx100m	Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 300mm x 100m	360	Cuộn
161	Túi hấp tiết trùng 300mmx200m	Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 300mm x 200m	24	Cuộn
162	Túi hấp tiết trùng 350mmx100m	- Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 350mm x 100m	10	Cuộn
163	Túi hấp tiết trùng 75mmx200m	- Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO -Kích cỡ 750mm x 200m	72	Cuộn
164	Túi hấp tiết trùng dẹp 150mm	Túi hấp dùng trong y tế, kích cỡ 150mm	106	Cuộn
165	Túi hấp tiết trùng phòng 150mm	- Chất liệu: gồm giấy và nhựa chịu được nhiệt 121 độ C - 140 độ C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước và khí EO	48	Cuộn
166	Túi hấp tiết trùng Tyvek 150mm x 70m hoặc tương đương	- Nhiệt độ từ 50 độ C - 55 độ C thời gian tùy theo chu trình là 55 – 75 Phút Kích cỡ 150mm x 70m	7	Cuộn

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
167	Túi hấp tiệt trùng Tyvek 200mm x 70m hoặc tương đương	- Nhiệt độ từ 50 độ C - 55 độ C thời gian tùy theo chu trình là 55 – 75 Phút Kích cỡ 200mm x 70m	6	Cuộn
168	Túi hấp tiệt trùng Tyvek 250mm x 70m hoặc tương đương	- Nhiệt độ từ 50 độ C - 55 độ C thời gian tùy theo chu trình là 55 – 75 Phút Kích cỡ 250mm x 70m	4	Cuộn
169	Túi hấp tiệt trùng Tyvek 350mm x 70m hoặc tương đương	- Nhiệt độ từ 50 độ C - 55 độ C thời gian tùy theo chu trình là 55 – 75 Phút Kích cỡ 350mm x 70m	6	Cuộn
170	Túi chứa chất thải	Thể tích chứa: 10l, đầu kết nối male luer-lock	218	Cái
171	Túi dán nước tiểu có nắp nam	Túi nước tiểu loại kín thường dùng để lấy mẫu nước tiểu, với hình dạng miếng dán phù hợp giải phẫu bé trai. Chất liệu là nhựa PVC, vô trùng.	264	Cái
172	Túi dán nước tiểu có nắp nữ	Túi nước tiểu loại kín thường dùng để lấy mẫu nước tiểu, với hình dạng miếng dán phù hợp giải phẫu bé gái. Chất liệu là nhựa PVC, vô trùng.	264	Cái
173	Túi dịch xả 15 lít	Chứa dịch xả máy, thể tích 15 lít	1.000	Cái
174	Túi đựng bệnh phẩm nội soi 9 cm x 13 cm	Túi đựng bệnh phẩm Kích thước 9cm x 13cm, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, miệng túi có sẵn chỉ phẫu thuật không tan	1.500	Cái
175	Túi đựng nước tiểu có dây treo	Túi chứa nước tiểu của bệnh nhân thông qua ống dẫn có dây treo	6.810	Cái
176	Túi hậu môn nhân tạo bé sơ sinh	Túi hậu môn nhân tạo túi xả Tích hợp khóa cuốn và có lọc khí chống mùi.	500	Cái
177	Lọ đựng nước tiểu	Lọ đựng mẫu nhựa PS 55ml, có nhãn	16.272	Lọ
178	Lọ đựng nước tiểu tiệt trùng	Lọ đựng mẫu nhựa PS 55ml, có nhãn, vô trùng	7.784	Lọ
179	Lọ hút đờm các cỡ	có dây, các cỡ: 8,10,12,14F	10.462	Bộ
180	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản, tiệt trùng 50 ml nắp vàng, có nhãn	Lọ nhựa đựng phân không có chất bảo quản 50 ml có nhãn, có que lấy mẫu, tiệt trùng	9.060	Lọ
181	Túi máu hoặc tương đương	túi chứa vô trùng sử dụng một lần để thu nhận, xử lý và lưu trữ các thành phần máu	36	cái
182	Cannula động mạch có đầu gấp 135 độ hoặc tương đương	Cannula động mạch có đầu gấp 135 độ các cỡ dùng cho trẻ em. - Có dây xoắn tăng cường - Chiều dài khả dụng: 22cm	472	cái
183	Cannula động mạch đùi kèm Introducers hoặc tương đương	Cannula có thiết kế lo xo chống xoắn, chiều dày thành mỏng Các cỡ: 8,10,12,14 Fr, có đầu tip, không chứa DEHP, tiệt trùng	50	cái
184	Cannula ECMO động mạch 1 nòng các cỡ	- Kích thước từ 15Fr đến 29Fr - Có nhiều chiều dài cannula xâm nhập khác nhau từ 15cm đến 23cm - Ống cannula động mạch có 1 cặp lỗ mỗi bên trên đầu ống.	35	Cái
185	Cannula ECMO tĩnh mạch 1 nòng các cỡ	- Kích thước từ 19Fr đến 29Fr - Có nhiều chiều dài cannula xâm nhập khác nhau từ 38cm đến 55cm - Ống cannula tĩnh mạch có nhiều cặp lỗ xen kẽ ở bên trên đầu ống	26	Cái
186	Cannula truyền dung dịch liệt tim trẻ em 7Fr	Cannulae động mạch, Dùng cho người lớn hoặc trẻ em. Kích cỡ 7Fr	360	cái
187	Cannulae động mạch đùi 1 tầng cỡ 10Fr dài 19cm	Cannula có thiết kế chống xoắn, chiều dày thành nhỏ hơn 0,4 mm Cannula đi kèm nòng với vùng chuyển tiếp không gờ ,cỡ 10Fr dài 19cm	6	Cái
188	Cannulae tĩnh mạch đùi cỡ 12Fr	Cannula có thiết kế chống xoắn, chiều dày thành nhỏ hơn 0,4 mm Cannula đi kèm nòng với vùng chuyển tiếp không gờ 12Fr	6	Cái
189	Cannula động mạch trẻ em một mảnh	Cannulae động mạch có đầu tip được vát, chống gãy gấp. Chiều dài tổng thể 9 in (22,9 cm). Các công kết nối 1/4 in (0.64 cm) có thông đuôi khí. Các cỡ đầu tip: 6 Fr (2.0 mm), 8 Fr (2.7 mm), 10 Fr (3.3 mm), 12 Fr (4.0 mm), 14 Fr (4.7 mm), 16 Fr (5.3 mm)	4	Cái
190	Cannula trẻ em một mảnh	Đi kèm kim chọc có thể điều chỉnh, có chức năng cầm máu, có đánh dấu độ sâu	4	cái
191	Cannula tĩnh mạch một tầng đầu cong (MEDTRONIC) hoặc tương đương	Kích thước: 12F Dùng cho trẻ em.	210	cái
192	Cannula tĩnh mạch đầu gấp 90 độ	Cannula tĩnh mạch mũi cong 90 độ, nhiều kích cỡ , có đầu kết nối	325	cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
193	Ống khí quản, mở đường thở Airway các số	Có nhiều size, tiết trùng	322	Ống
194	Cannal mở khí quản thân ống phủ silicon, 1 nòng, có bóng các số	- Nhựa PVC, thân phủ silicon, tương thích sinh học khi lưu lâu, đường cân quang màu xanh, mềm, bóng thể tích lớn, áp lực thấp. - Đầu tù - Dây đủ kích cỡ từ 3.0Fr -7.5 Fr	138	Cái
195	Ống mở khí quản 1 nòng có bóng thể tích lớn áp lực thấp, phủ silicone các số	Ống mở khí quản 1 nòng phủ silicone, có bóng thể tích lớn áp lực thấp Kích cỡ từ 3.0mm đến 8.0mm	300	Ống
196	Ống nội khí quản không có bóng chèn các số	Không có bóng, các số từ 2.5Fr đến 7.5Fr Đường kính nòng xoay 15mm Không chứa DEHP	7.981	Cái
197	Ống nội khí quản có bóng chèn các số	Có bóng, các số từ 2.5Fr đến 7.5Fr Đường kính nòng xoay 15mm Không chứa DEHP	10.500	Cái
198	Ống nội phế quản các size 5F	- Ống được sử dụng để cô lập phổi hoặc thuy phổi. - Có thể sử dụng chung cho cả hai phổi trái và phổi phải. - Kích thước 5F	5	ống
199	Dây thở oxy 2 nhánh các size	Dây dài ít nhất 2,2m Tron láng không gây tổn thương Tiết trùng	200	Cái
200	Dây cho ăn ( Feeding tube) có nắp, có đường cân quang Xline, các số	Điểm cuối ống dây mềm và tròn. Dây có 2 mắt giúp lưu thông lượng thức ăn tối đa. Đầu ống gắn khóa điều chỉnh có thể đóng lại để chặn các vật thể không mong muốn vào cơ thể người thông qua ống dây	25.506	Cái
201	Ống thông dạ dày số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18	- Dây bằng nhựa PVC trong suốt và đàn hồi cao, chống gãy gập. - Đầu ống bo tròn nhẵn, có vạch chia và đường cân quang dọc ống. - Lưu 5-7 ngày, dài ít nhất 50cm, nhiều kích thước	1.550	Cái
202	Ống thông hậu môn	Đủ các kích cỡ từ 8Fr tới 26Fr Chiều dài ít nhất 40cm Không chứa DEHP	4.781	Cái
203	Ống thông khí tai	Đường kính trong rộng 1,27mm	20	Cái
204	Ống nội phế quản(nội khí quản 2 nòng) trái/phải	Ống nội phế quản 2 nòng trái phải bao gồm: ống nội phế quản trái/ phải, co nối Y, có hoặc không có kẹp, 4 dây hút đàm có van kiểm soát) * Kích cỡ từ 24FG đến 41FG	8	Cái
205	Ống thông (sonde quả bí) các số 12,14,16,18,20	Thông Sonde mở dạ dày các số 12~20	300	Cái
206	Ống thông tiêu 2 nhánh các số	Ống thông tiêu có 2 nhánh, đủ các số từ 6Fr tới 10Fr, bóng 3-5ml/cc Thân phủ silicon Van 1 chiều.	4.822	Sợi
207	Sonde chữ T các cỡ	Chữ T các số 10,12,14, 16, 18, 20 Kích thước 20 x 40cm	314	Cái
208	Sonde dạ dày các cỡ	- Dây bằng nhựa PVC trong suốt và đàn hồi phù hợp, chống gãy gập. - Đầu ống bo tròn nhẵn, có vạch chia và đường cân quang dọc ống, dài ít nhất 50cm, đa dạng kích cỡ	1.328	Cái
209	Sonde Silicone nuôi ăn mũi-dạ dày-hồng tràng 12F	Số 12F dài 130cm	110	Cái
210	Sonde Silicone nuôi ăn mũi-dạ dày-hồng tràng 14F	Số 14F dài 130cm	110	Cái
211	Sonde Silicone nuôi ăn mũi-dạ dày-hồng tràng 16F	Số 16F dài 130cm	110	Cái
212	Sonde Silicone nuôi ăn mũi-dạ dày-hồng tràng 6F	Số 6F dài 50cm	110	Cái
213	Sonde Silicone nuôi ăn mũi-dạ dày-hồng tràng 8F	Số 8F dài 50cm	110	Cái
214	Bình dẫn lưu áp lực âm dùng cho trẻ em	Bộ bao gồm Bình dẫn lưu ít nhất 50ml Kim chọc trocar Dây dẫn lưu PVC tròn 6Fr hoặc 8Fr chiều dài 50cm	60	Cái
215	Bộ dẫn lưu sonde Pigtail hoặc tương đương	Bộ dẫn lưu đa chức năng bao gồm: Pigtail có khóa polyurethane mềm phủ hydrophilic, Obturator kim loại và kim chọc trocar Kích cỡ: 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr dài 30cm	10	Bộ
216	Bộ dẫn lưu nước tiểu có bầu	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml, có màng lọc khuẩn, điểm lấy mẫu nước tiểu không kim, van ngăn tràn	50	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
217	Ống dẫn lưu màng phổi	Ống dẫn lưu màng phổi có co nối đi kèm Các cỡ: 16Fr, 20Fr, 24Fr, 28Fr, 32Fr, 36Fr Chiều dài 50cm Vỏ trùng EO. Không chứa latex.	623	Cái
218	Dây hút đàm có van kiểm soát các số	Đủ các cỡ từ 6Fr đến 18Fr Có van kiểm soát và có nắp đậy, nguyên liệu PVC Đầu bo tròn, 3 lỗ hút	26.220	Cái
219	Bộ hút đàm kín sử dụng 72h	Đầu tip tròn có 2 lỗ hút giúp hút tối đa. Lớp bọc ngoài bằng polyurethane đảm bảo hệ thống kín hoàn toàn. Có vạch đo độ dài giúp kiểm soát được độ sâu khi luôn ống hút có valve khóa 2 chiều, các số 6, 8, 10 với 3 co Y nối nội khí quản tương thích đi kèm	1.307	Cái
220	Dây hút dịch phẫu thuật 2m	Tiệt trùng bằng khí EO Dài 2m 2 đầu khác nhau	3.880	Cái
221	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo các loại từ 10 - 15kg	- Bộ dây dẫn bao gồm cả đoạn dây PVC, Silicone chất lượng cao được nối với nhau bằng các nút nối, độ trong suốt cao, nhiều kích cỡ dây và nhiều kích thước độ dày của thành dây. phù hợp với bệnh nhân hàng cân 10-15kg.	120	Bộ
222	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo các loại từ 15 - 30kg	- Bộ dây dẫn bao gồm cả đoạn dây PVC, Silicone chất lượng cao được nối với nhau bằng các nút nối, độ trong suốt cao, nhiều kích cỡ dây và nhiều kích thước độ dày của thành dây. phù hợp với bệnh nhân hàng cân 15-30kg.	60	Bộ
223	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo các loại từ 2 - 5kg	- Bộ dây dẫn bao gồm cả đoạn dây PVC, Silicone chất lượng cao được nối với nhau bằng các nút nối, độ trong suốt cao, nhiều kích cỡ dây và nhiều kích thước độ dày của thành dây. phù hợp với bệnh nhân hàng cân 2-5kg.	40	Bộ
224	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo các loại từ 6 - 10kg	- Bộ dây dẫn bao gồm cả đoạn dây PVC, Silicone chất lượng cao được nối với nhau bằng các nút nối, độ trong suốt cao, nhiều kích cỡ dây và nhiều kích thước độ dày của thành dây, phù hợp với bệnh nhân hàng cân 6-10kg.	300	Bộ
225	Dây chạy máy tim phổi nhân tạo trên 30kg	- Bộ dây dẫn bao gồm cả đoạn dây PVC, Silicone chất lượng cao được nối với nhau bằng các nút nối, độ trong suốt cao, nhiều kích cỡ dây và nhiều kích thước độ dày của thành dây, phù hợp với bệnh nhân hàng cân trên 30kg.	24	Bộ
226	Bộ dây thở dùng cho máy giúp thở	Cấu hình bao gồm: Bộ dây thở hoàn chỉnh Có điện trở nhiệt đường thở vào và thở ra. Loại dùng 01 lần Tương thích với máy giúp thở Puritan Bennett 840	519	Cái
227	Ống thông phổi cân quang có trocar kim loại đi kèm	Ống thông phổi có cân quang Có trocar kim loại đi kèm Các số 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr	792	Cái
228	Catheter thông khí tim trái	Cannula thông khí trực tiếp và gián tiếp tâm thất trái có marker đánh dấu độ sâu. Dùng cho trẻ em và người lớn. Thân thẳng, định hình sẵn hoặc dễ uốn. Chất liệu PVC hoặc silicon. Công kết nối có hoặc không thông khí Chiều dài tổng thể các cỡ: 13 in (33.0 cm), 15 in (38.1 cm), 16 in (40.6 cm) Đầu tip đục lỗ, các cỡ: 10 Fr (3.3 mm), 13 Fr (4.3 mm), 15 Fr (5.0 mm), 16 Fr (5.3 mm), 18 Fr (6.0 mm), 20 Fr (6.7 mm)	200	cái
229	Catheter (ống thông) chẩn đoán loại 4 đến 6 điện cực, nhiều đường cong	Catheter chẩn đoán 4 điện cực, độ cong cố định. Kích thước: 4F, 5F, 6F. Đầu catheter mềm, không bện. Thân dạng bện kiểm soát lực xoắn, lực đẩy. Nhiều kiểu cong khác nhau. Bề rộng điện cực 1mm. Chiều dài 120cm.	30	Cái
230	Catheter chẩn đoán xoang vành 10 điện cực ( không điều khiển)	- Kích cỡ: 4F, 5F - Chiều dài làm việc: 65 cm đến 120 cm - Đầu catheter mềm, không bện. - Thân dạng bện để kiểm soát lực xoắn, lực đẩy - Kiểu cong: CSL - Khoảng cách điện cực: 2-8-2, 2-5-2 hoặc 5-5-5 (mm) - Bề rộng điện cực: 1 mm - Đầu điện cực: 2 mm	30	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
231	Catheter chạy thận 2 nòng 11F	- Catheter dùng chạy thận 2 nòng kim V dẫn đường. Đóng gói đầu catheter màu xanh kiểu mũi linh động an toàn - Size cỡ : 11Fr	12	Cái
232	Catheter chạy thận 2 nòng 8.5F	- Catheter dùng chạy thận 2 nòng kim V dẫn đường, size : 8.5Fr	48	Bộ
233	Catheter chạy thận người lớn, trẻ em 2 nòng, các cỡ, có kim dẫn đường	- Catheter dùng chạy thận 2 nòng kim Y dẫn đường. - Size cỡ : 6.5,8.5,12	63	Bộ
234	Catheter lọc màng bụng	Catheter đầu cong dùng thấm phân phức mạc, dài 63cm, có dải cân quang	90	Cái
235	Catheter tĩnh mạch ngoại biên	Catheter vô trùng, kích cỡ 16G, chiều dài 42cm	98	Bộ
236	Catheter tĩnh mạch rốn 2 đường	Catheter tĩnh mạch 2 đường, có chốt cân quang cỡ 3.5Fr; 4Fr; 5 Fr lỗ tròn đầu catheter	1.597	Cái
237	Catheter tĩnh mạch trung tâm 14G	1 nòng 14G x 20 cm, tốc độ truyền: 6900ml/h	15	Cái
238	Catheter tĩnh mạch trung tâm 16G	16G x 20 cm, tốc độ truyền 56ml/phút	5	Cái
239	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên cho trẻ sơ sinh cỡ 1Fr	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên cho trẻ sơ sinh cỡ 1Fr	140	Cái
240	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên cho trẻ sơ sinh cỡ 2FR	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên cho trẻ sơ sinh cỡ 2Fr	120	Cái
241	Catheter tĩnh mạch trung ương 1 nòng	1 nòng số 3F (20G)	1.045	Cái
242	Bộ catheter tĩnh mạch 4F	- Catheter 4Fr dài 30cm chắn bức xạ 0.018" - Kim thẳng dẫn đường 21G x 3.8cm, dây dẫn đầu J, chống gãy gấp.	72	Bộ
243	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4Fr	Cỡ 2 nòng 4Fr x 6cm ,dây dẫn linh động dễ luồn và chống gãy gấp tốt	1.370	Cái
244	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng số 5F	- Catheter tương thích sinh học, 2 nòng 5Fr x 8cm/13cm - Dây dẫn linh động dễ luồn và chống gãy gấp tốt.	353	Bộ
245	Catheter tĩnh mạch trung tâm 4.5F	cỡ 4.5F 3 nòng dài 6cm với dây dẫn linh động và chống gãy gấp	4	Bộ
246	Ống thông can thiệp mạch máu	- Trục bằng chất liệu nylon hỗn hợp bền dây tăng độ bền - Tỷ lệ moment xoắn 1:1 chống gãy gấp - Đầu tip bo góc, làm bằng chất liệu mềm giúp giảm tổn thương lòng mạch - Kích thước 5F; 6F; 7F; 8F. Đường kính trong 0.057" (1.4mm) loại 5F; 0.070" (1.78mm) loại 6F; 0.078" (2.0mm) loại 7F; 0.088" (2.2mm) loại 8F. Chiều dài: 100 cm	60	Cái
247	Ống thông can thiệp đầu mềm các loại, các cỡ	Ống thông can thiệp mạch máu não được thiết kế chống gãy gấp do xoắn, đẩy, giúp đi xa vào mạch máu nội sọ với đường kính 6F. Hỗ trợ tốt trong thủ thuật đặt stent chuyên dòng. Chiều dài : 95cm, 105 cm, 115 cm, 125cm, 135 cm.	23	Cái
248	Ống thông chẩn đoán mạch máu các loại các cỡ	Làm bằng chất liệu có cân quang - Đủ các kích cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4Fr, 0.046"/1.17mm loại 5Fr, 0.054"/1.37mm loại 6Fr - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038"	75	Cái
249	Ống thông dẫn đường các loại, các cỡ	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu não tương thích dây dẫn có đường kính 0.035" và 0.038". Đường kính trong là 0.058" và 0.072", đường kính ngoài 0.07" và 0.084", chiều dài 95cm, 105cm, 130cm	11	Cái
250	Ống thông JJ đặt nong niệu quản dùng cho trẻ nhỏ	Có dây dẫn đường, cỡ 3Fr-6Fr kích thước 15cm/22cm	96	Cái
251	Kẹp catheter	Kẹp Catheter dùng khi thay bộ chuyển tiếp	12	Cái
252	Ống thông chẩn đoán mạch máu các loại các cỡ	- Làm bằng chất liệu có cân quang - Đủ các kích cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4Fr, 0.046"/1.17mm loại 5Fr, 0.054"/1.37mm loại 6Fr - Dùng được với guide wire 0.035"/0.038"	360	Cái
253	Ống thông chẩn đoán ngoại biên các loại các cỡ	loại 4F/5F đường kính trong lớn nhất 0.040"/0.046" chất liệu nylon có bện sợi thép không gỉ dây dẫn tương thích lớn nhất 0.038"	220	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
254	Ống thông chẩn đoán tim mạch các cỡ	Ống thông chẩn đoán ngoại biên loại Vertebral - Chất liệu Nylon trơn nhẵn và an toàn với cơ thể bệnh nhân - Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu tip tốt. - Đường kính trong 0.040"(1.02mm) loại 4F, 0.046" (1.17mm) loại 5F - Đầu kích thước: dài 65cm, 100cm, 125cm - Tương thích guide wire 0.035"; 0.038"	90	Cái
255	Vi ống thông (micro - catheter) các loại	- Đường kính ngoài 1.8 Fr, đường kính trong 0.021", chiều dài 130cm - 150cm	85	Cái
256	Vi ống thông can thiệp dị dạng mạch máu có đầu tách rời	Đường kính trong 0.013", đường kính ngoài đầu gần 2.7Fr, đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr, tổng chiều dài 165cm, chiều dài đầu tip 1.5cm, 3cm, 5cm, hình dạng đầu tip thẳng, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.01"	20	Cái
257	Vi ống thông siêu nhỏ mềm có đầu dứt rời	Vi ống thông đầu siêu chọn lọc có thể tách rời, đoạn tách rời 1,5cm; 2,5cm; 3,5cm; 4,5 cm giúp tăng thời gian trào ngược của chất gây tắc, đường kính 1,2F và 1,5F, có 3 marker làm tăng tính cân quang ở đoạn tách rời tránh trào ngược tối đa	20	Cái
258	Vi ống thông can thiệp dùng thả coil mạch máu	Đường kính ngoài 2.1Fr-1.7Fr, 2.4Fr-1.9Fr, đường kính trong 0.017", tổng chiều dài 155cm, chiều dài sử dụng 150cm, hình dạng đầu tip thẳng	55	Cái
259	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông dùng trong thả coil, bóng chèn, stent hỗ trợ coil, chất gây tắc mạch điều trị AVM, phương pháp kết hợp thả coil và chất gây tắc mạch AVF. Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic, giảm ma sát giúp tăng khả năng dẫn đường trong các đoạn mạch xoắn vặn. Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang, đầu thuôn nhọn)	30	Cái
260	Vi ống thông hút huyết khối	Ống hút huyết khối có phần khung làm từ Nitinol, thiết kế dạng vòng xoắn lò xo kết hợp lưới đan, đường kính trong 0.068" và 0.071"	5	Cái
261	Vi ống thông dùng để thả stent chuyển dòng chảy	Ống thông can thiệp, đường kính ngoài gần-xa là 3.2Fr-2.8Fr, đường kính trong 0.027", chiều dài làm việc 105cm, 135cm, 150cm và 160cm, đầu xa linh hoạt dài 10cm. Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.	8	Cái
262	Vi Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	Vi ống thông được gia công bằng thép không gỉ, tương thích với Dimethyl Sulfoxide (DMSO), tăng khả năng chống xoắn vặn khi đi qua đoạn mạch khó. Có 1 hoặc 2 marker giúp tăng hiển thị. Lớp phủ ưa nước (hydrophilic), giúp đi qua các đoạn mạch khó. Đầu tip có thể được tạo hình bằng hơi nước (Steam-shapeable tips)	5	Cái
263	Vi ống thông nhỏ siêu mềm Vasco+ hoặc tương đương	Dùng điều trị bệnh lý về mạch máu, dùng trong mạch máu nhỏ hoặc cơ thể có cấu tạo siêu chọn lọc cho các thủ thuật can thiệp và chẩn đoán trong mạch não và ngoại biên	40	Cái
264	Chi phẫu thuật tim không tiêu số 5/0 có kim	dài 80cm 2 kim 3/8 KL 12mm	444	Tép
265	Chi không tan tự nhiên 1,5(4/0)	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, 75cm 3/8 CT18	49	Tép
266	Chi không tan tự nhiên 3(2/0)	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, 75cm	150	Tép
267	chi phẫu thuật không tan 2/0	Đơn sợi, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiệt trùng, kim tam giác 26 mm	644	Tép
268	chi phẫu thuật không tan 3/0	Đơn sợi, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiệt trùng, kim tam giác 20 mm	336	Tép
269	chi phẫu thuật không tan 6/0	Đơn sợi, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiệt trùng, kim tam giác 13 mm	150	Tép

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
270	Chi không tan tự nhiên 2/0 kim tam giác 3/8C	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tam giác 3/8c , dài 26mm	120	Tép
271	Chi không tan tự nhiên 3/0 không kim	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm.	299	Tép
272	Chi không tan tự nhiên 2/0 không kim	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm.	885	Tép
273	Chi không tan tự nhiên 2/0 kim tròn	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tam giác 3/8c , dài 26mm	30	Tép
274	Chi không tan tự nhiên 3/0 kim tam giác 3/8C	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tam giác 3/8c , dài 26mm	1.445	Tép
275	Chi không tan tự nhiên 3/0 kim tam giác	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, kim tam giác , dài 18mm	639	Tép
276	Chi không tan tự nhiên 4/0 kim tròn 1/2C	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.	575	Tép
277	Chi không tan tự nhiên 4/0 kim tam giác	đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, kim tam giác dài 18 mm	297	Tép
278	Chi tổng hợp tự tiêu số 0, kim tròn 1/2C	Chi tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	288	Tép
279	Chi tổng hợp tự tiêu số 4/0, kim tam giác thuận 3/8C	chi tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài 16 mm	720	Tép
280	Chi tự tiêu sinh học đơn sợi có tẩm muối Chrome 4/0, kim tròn 1/2C	Làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch tiết trùng. Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ (tan bởi quá trình phân hủy protein theo cơ chế enzyme), kim tròn 1/2C 26mm, dài 75cm	14	Tép
281	chi thép điện cực tạo nhịp tim dùng trong phẫu thuật 2-0 kim 1/2C	Dài 60cm V-20 kim 1/2C 17mm, SC-6 88mm	436	TÉP
282	chi tổng hợp đơn sợi không tan 5/0 2 kim tròn 1/2C	dài 75cm, 2 kim tròn 1/2C 13mm	2.000	TÉP
283	chi tổng hợp đơn sợi không tan 6/0 2 kim tròn 3/8C 10mm	dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C 10mm	1.200	TÉP
284	chi tổng hợp đơn sợi không tan 6/0 2 kim tròn 3/8C	dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C 13mm	1.200	TÉP
285	chi tổng hợp đơn sợi không tan 8/0 2 kim tròn 3/8C	dài 60cm, 2 kim tròn 3/8C 6.4mm	1.000	TÉP
286	chi tổng hợp đơn sợi không tan số 7/0 2 kim tròn 3/8C	dài 60cm, 2 kim tròn 3/8C 8mm	1.000	TÉP
287	chi phẫu thuật không tan 4/0 kim tam giác 3/8C	Đơn sợi, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	1.398	Tép
288	chi phẫu thuật không tan 2/0 kim tròn 1/2C	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	3.350	TÉP
289	chi phẫu thuật không tan 3/0 không kim	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm	48	Tép
290	chi phẫu thuật không tan 4/0 không kim	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm	144	TÉP
291	chi phẫu thuật không tan 0 không kim	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm	780	TÉP
292	chi phẫu thuật không tan 2/0 kim tam giác 3/8C	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	600	TÉP
293	chi phẫu thuật không tan 2/0 kim tròn 1/2C	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	120	Tép
294	chi phẫu thuật không tan 3/0 kim tam giác 3/8C	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	1.106	Tép
295	chi phẫu thuật không tan 3/0 kim tròn 1/2C	Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	2.900	TÉP
296	chi phẫu thuật nâng mô silicon màu đỏ	2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu đỏ	83	Tép
297	chi phẫu thuật nâng mô silicon màu vàng	2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu vàng	254	Tép
298	chi phẫu thuật nâng mô silicon màu xanh dương	2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu xanh dương	254	Tép
299	chi phẫu thuật không tan 3/0 kim tam giác	Đơn sợi, Chi được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, dài 20cm	1.370	TÉP

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
300	chỉ phẫu thuật không tan 5/0 kim tam giác 3/8C	chỉ phẫu thuật không tan, Đơn sợi, Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, dài 75cm	2.120	Tép
301	chỉ phẫu thuật không tan 6/0 kim tam giác 1/2C	chỉ phẫu thuật không tan, Đơn sợi, Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, kim dài 13mm	60	TÉP
302	chỉ phẫu thuật không tan 10/0	chỉ phẫu thuật không tan, Đơn sợi, Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng	5	TÉP
303	chỉ phẫu thuật không tan 9/0	chỉ phẫu thuật không tan, Đơn sợi, Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng	5	TÉP
304	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 1/0 , kim đầu tù 3/8C	chỉ bện tổng hợp may gan tự tiêu, thời gian tự tiêu 60 ngày sau mổ, dài 100cm, kim đầu tù khâu gan dài 65mm, 3/8 vòng tròn	12	Tép
305	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 5/0 , 2 kim đầu hình thang	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 45cm, 2 kim đầu hình thang dài 11mm, 3/8C	12	TÉP
306	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 6/0, 2 kim đầu hình thang 1/4C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm , 2 kim đầu hình thang dài 26mm, 1/4C	372	TÉP
307	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 3/0 , 2 kim đầu hình thang	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim đầu hình thang 26mm	60	Tép
308	chỉ phẫu thuật không tiêu, Ethibond Excel 1/0 2 kim tròn 1/2C hoặc tương đương	đa sợi, 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 17mm 1/2C	110	TÉP
309	chỉ phẫu thuật không tiêu, Ethibond Excel 2/0 2 kim tròn 1/2C hoặc tương đương	đa sợi, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 17mm 1/2C	110	TÉP
310	Chỉ phẫu thuật tìm không tiêu số 3/0, 2 kim tròn 3/8C	dài 75cm, 2 kim tròn 3/8C -18mm	246	Tép
311	chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu chậm 5/0, 2 kim đầu tròn 1/2C	đơn sợi, tự tiết trùng, chỉ tan chậm, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2 C	312	TÉP
312	chỉ tổng hợp không tan 7/0, 2 kim tròn đầu tròn 3/8C	đơn sợi, 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C	48	Sợi
313	chỉ tổng hợp không tan 9/0, kim tròn đầu tròn 3/8C	đơn sợi, dài 13cm , kim tròn đầu tròn 5mm, 3/8C	14	TÉP
314	chỉ tổng hợp không tan 6/0, 2 kim	đơn sợi, dài 75cm, 10mm	12	Tép
315	Chỉ phẫu thuật tìm không tiêu số 6/0, 2 kim tròn 3/8C	dài 80cm, 2 kim tròn 3/8C 10mm	2.000	TÉP
316	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 0, kim tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm.	1.200	TÉP
317	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 2/0, kim tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, kim tròn 26mm	1.000	TÉP
318	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 3/0, kim tròn 1/2C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, kim tròn 20mm	2.300	TÉP
319	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 4/0, kim tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, kim tròn 20mm	2.600	TÉP
320	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 5/0, kim tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm.	2.400	TÉP
321	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 5/0, kim tam giác, 3/8 vòng tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, kim tam giác dài 11mm, 3/8 vòng tròn, 45cm	900	TÉP
322	chỉ phẫu thuật tổng hợp tiêu chậm 7/0, 2 kim đầu tròn 3/8C	đơn sợi tự tiêu chậm, tiết trùng, dài 45cm, 2 kim đầu tròn dài 70cm, 3/8	620	Tép
323	chỉ phẫu thuật tổng hợp tiêu chậm 6/0, kim tròn đầu tròn 1/2C	đơn sợi tự tiêu chậm, tiết trùng, kim tròn, đầu tròn, 13mm, 1/2C, dài 45cm	340	TÉP
324	chỉ tổng hợp không tan 10/0, hai kim hình thang	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	14	TÉP
325	Chỉ siêu bền	độ bền cao	12	TÉP
326	Chỉ không tan tự nhiên 2/0 không kim	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, không kim, dài 75cm	360	Tép
327	Chỉ tan chậm tự nhiên 3/0 kim tam giác 3/8C	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tẩm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch tiết khuẩn. Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. kim tam giác 3/8c, dài 26 mm	26	TÉP
328	chỉ tổng hợp tự tiêu 2/0, kim tròn 1/2C	tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	228	Tép

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
329	chỉ tổng hợp tự tiêu 3/0, kim tròn 1/2C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	120	Tép
330	chỉ tổng hợp tự tiêu 4/0, kim tròn 1/2C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim tròn 1/2C 20mm	1.020	Tép
331	chỉ tổng hợp tự tiêu 5/0, kim tròn 1/2C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim tròn 1/2C 17mm	180	Tép
332	chỉ tổng hợp tự tiêu 4/0, kim tam giác thuận 3/8C	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài 16 mm	1.900	TÉP
333	Chi thép dài chỉnh nha	Chi thép dài dùng trong chỉnh nha	1	Hộp
334	Chi thép không tiêu số 3 , kim 1/2C	dài 45 cm, kim 1/2C 3 mặt 40mm	50	Tép
335	Chi tan chậm tự nhiên 4/0 kim tròn	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tâm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch diệt khuẩn.Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày.Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ , 26mm	12	TÉP
336	Chi tan chậm tự nhiên 5/0 kim tròn	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tâm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch diệt khuẩn.Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày.Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ , 13mm	26	TÉP
337	Chi tan chậm tự nhiên 4/0 kim tam giác 3/8C	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tâm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch diệt khuẩn.Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày.Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ . dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	2.652	TÉP
338	Chi tan chậm tự nhiên 5/0 kim tam giác	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tâm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch diệt khuẩn.Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày.Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.12 mm	48	Tép
339	Chi tan chậm tự nhiên 6/0 kim tam giác 3/8C	chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi có tâm muối Chrome, làm từ Collagen tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch diệt khuẩn.Giữ vết khâu tốt trong vòng 14 - 21 ngày.Thời gian tan hoàn toàn trong vòng: 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 12 mm	26	TÉP
340	Chỉ tổng hợp tự tiêu 7/0, 2 kim tròn hình thang, 3/8 vòng tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, 2 kim tròn hình thang Spatula 6.5mm, 3/8 vòng tròn, chỉ dài 30cm	14	TÉP
341	Chỉ tổng hợp tự tiêu 3/0, kim taper point 1/2 vòng tròn	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, dài 75cm, kim taper point 20mm, 1/2 vòng tròn	12	TÉP
342	dụng cụ cắt nối ruột 55mm	dụng cụ cắt nối ruột 55mm	1	Cái
343	dụng cụ cắt nối ruột 75mm	dụng cụ cắt nối ruột 75mm	1	Cái
344	Chi khâu liền kim các loại, các cỡ	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm.70CM,HR26	5	Tép
345	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 4/0	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm,70CM,HR26	5	tép
346	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 6/0	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm, 70CM HR13	60	Tép
347	chỉ bện tổng hợp tự tiêu nhanh 7/0	chỉ tổng hợp tiết trùng, có khả năng tự tiêu; khâu, nối các loại mô mềm	12	Tép
348	chỉ phẫu thuật không tan, 1(5/0)	chỉ phẫu thuật không tan,Đơn sợi,Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, 75cm 3/8 CT16	808	Tép
349	chỉ phẫu thuật không tan, 3(2/0)	chỉ phẫu thuật không tan,Đơn sợi,Chỉ được phủ một lớp silicon, cấu trúc vững chắc, sợi được cấu tạo tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt, Tiết trùng, 75cm 3/8 CT26	106	Tép
350	Chi không tan tự nhiên đa sợi bện 2/0	Chi không tan tự nhiên đa sợi bện, giữ vết khâu tốt, không có hiện tượng mao dẫn, 75cm, RH, 26mm	48	Tép
351	Tắm dán điện cực trung tính dùng một lần sơ sinh	Sử dụng 1 lần cho trẻ sơ sinh Chất liệu mềm, tốt cho da, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân	1.802	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
352	Tấm dán điện cực trung tính dùng một lần trẻ nhỏ	Sử dụng 1 lần cho trẻ nhỏ Chất liệu mềm, tốt cho da, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân	3.000	Cái
353	Tấm dán điện cực trung tính công nghệ REM	Theo dõi kích thước của khu vực liên hệ giữa bệnh nhân và tiếp xúc, nếu kích thước không phù hợp, sẽ tự động chặn để giảm thiểu sự nguy hiểm của sự cố cháy.	240	Cái
354	Lưỡi dao Plasma	Được tích hợp 1 đầu cắt thẳng và đầu cắt cong có thể uốn cong. Tay cầm được kết hợp ống hút. Tương thích máy hãng Medtronic	350	Cái
355	Tay dao siêu âm Harmonic Scalpel mổ hở	hoạt động theo 3 cơ chế hàn-đốt- cắt, kiểm soát nhiệt lượng không gây tổn thương mô, bỏng nhiệt, dùng trong phẫu thuật hở	2	Bộ
356	Tay dao siêu âm Harmonic Scalpel mổ nội soi	hoạt động theo 3 cơ chế hàn-đốt- cắt, kiểm soát nhiệt lượng không gây tổn thương mô, bỏng nhiệt, dùng trong phẫu thuật nội soi	2	Bộ
357	Dao mổ các số	Lưỡi dao dùng một lần có phủ PTFE.	17.418	Cái
358	Mạch máu ghép nhân tạo Size 3.0 Labcor Babygrap hoặc tương đương	- Đường kính từ 3mm - Chiều dài từ 20mm đến 100mm	20	Cái
359	Mạch máu ghép nhân tạo Size 4.0 Labcor Babygrap hoặc tương đương	- Đường kính từ 4mm - Chiều dài từ 20mm đến 100mm	10	Cái
360	Mạch máu ghép nhân tạo Size 5.0 Labcor Babygrap hoặc tương đương	- Đường kính từ 5mm - Chiều dài từ 20mm đến 100mm	5	Cái
361	Dẫn lưu dịch não tủy não thất-màng bụng	- Gồm 1 dây dẫn ổ bụng, van, dây dẫn dịch từ não thất ra van - Có 3 loại áp lực: Cao, thấp, trung bình - Có tấm chắn cản quang	50	Bộ
362	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ vùng thất lưng ra ngoài	Hệ thống dây dẫn kèm bộ khóa, van chống trào ngược và công lấy mẫu, xi-lanh có vạch chia độ. Túi dẫn lưu kín, thể tích ít nhất 500ml. 1 Catheter dẫn lưu thất lưng, cỡ 5Fr, kim Tuohy 14G, bộ nối có khóa luer.	20	Bộ
363	Bộ dẫn lưu dịch não tủy thất- màng bụng điều chỉnh tự động	dẫn lưu dịch não tủy trong phù hợp bệnh nhi. Tương thích hệ thống MRI	40	Bộ
364	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	- Hệ thống gồm dây dẫn, Van điều chỉnh dòng chảy, túi chứa dịch, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar từ 13cm đến 17cm - Thang đo áp lực dòng chảy - Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, Túi có thể tháo rời.	80	Bộ
365	Van hai lá sinh học các số	được sản xuất từ vật liệu tự nhiên, gồm màng ngoài tim hoặc van tim của bò và lợn đã qua xử lý	2	Cái
366	Mạch máu nhân tạo, ống ghép động mạch phổi kèm van tim sinh học	Ống ghép động mạch phổi kèm van tim sinh học có gắn van contegra size 12-22 hoặc tương đương	30	cái
367	Ống ghép động mạch phổi kèm van tim sinh học có gắn van Lacor hoặc tương đương	Ống ghép động mạch phổi kèm van tim sinh học có gắn van Lacor các size từ 11-23 hoặc tương đương	30	cái
368	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc sirolimus Xplosion	2,25mm đến 4,0mm chiều dài 9mm đến 40mm, áp lực bơm bóng bình thường 8atm, áp lực vỡ bóng 16atm. Có phủ thuốc	10	Cái
369	Stent động mạch vành loại thường (không phủ thuốc) các loại, các cỡ	đường kính 2,0; 2,25;2,5;2,75;3,0;3,5;4,0;4,5;5,0; chiều dài 9,13,15,18,20,22,35,40mm,áp lực thường 9atm; áp lực vỡ bóng 14-16atm, không phủ thuốc	50	Cái
370	Stent nội mạch thay đổi hướng dòng chảy dùng trong mạch máu não	Stent chuyên dòng dùng Pipeline trong túi phình mạch máu não, đủ kích thước	2	cái
371	Stent lấy huyết khối động mạch não	Dụng cụ lấy huyết khối tự bung dạng stent, đầy đủ kích cỡ cho mạch máu từ 3mm-6mm	4	cái
372	Thủy tinh thể nhân tạo (IOL, toric IOL) hoặc tương đương	các cỡ (cứng, mềm, treo)	2	Cái
373	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	thấu kính nội nhãn rất nhỏ, thay thế cho thủy tinh thể người	2	Cái
374	Miếng vá sọ titan cỡ 100mm x 120mm	Chất liệu titan, kích thước 100mm x 120mm	4	Miếng
375	Miếng vá sọ titan cỡ 120mm x 120mm	Chất liệu titan, kích thước 120mm x 120mm	2	Miếng
376	Miếng vá sọ titan cỡ 131mm x 235mm	Chất liệu titan, kích thước 131mm x 235mm	2	Miếng
377	Miếng vá sọ titan cỡ 132x236mm	Chất liệu titan, kích thước 132mm x 236mm	2	Miếng
378	Miếng vá sọ titan cỡ 145x145mm	Chất liệu titan, kích thước 145mm x 145mm	2	Miếng
379	Miếng vá sọ titan cỡ 150mm x 150mm	Chất liệu titan, kích thước 150mm x 150mm	5	Miếng
380	Miếng vá sọ titan cỡ 200mm x 200mm	Chất liệu titan, kích thước 200mm x 200mm	2	Miếng
381	Miếng vá sọ titan cỡ 90mm x 90mm	Chất liệu titan, kích thước 90mm x 90mm	2	Miếng

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
382	Miếng vá sọ tự tiêu cỡ 100 x 100mm, dày 0.5mm	Tự tiêu sau 12-18 tháng, cỡ 1.5mm, dày 0.5mm, 100 x 100mm.	4	Miếng
383	Miếng vá sọ tự tiêu cỡ 25 x 25mm, dày 0.5mm	Tự tiêu sau 12-18 tháng, cỡ 1.5mm, dày 0.5mm, 25 x 25 mm.	4	Miếng
384	Miếng vá sọ tự tiêu cỡ 50 x 50mm, dày 0.5mm	Tự tiêu sau 12-18 tháng, cỡ 1.5mm, dày 0.5mm, 50 x 50mm.	4	Miếng
385	Miếng vá mạch máu	Kích thước 3x4cm; dày 0,45mm	72	Miếng
386	Keo sinh học ngoại lồng ngực	bao gồm các hạt gelatin và thrombin cầm máu độc lập, không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể.	50	Lọ, tuýp
387	Màng ngoài tim sinh học, miếng vá tim, mạch máu 4x4cm	miếng vá sinh học màng tim kích thước 4x4cm	70	Miếng
388	Màng ngoài tim sinh học, miếng vá tim, mạch máu 4x6cm	miếng vá sinh học màng tim kích thước 4x6cm	20	Miếng
389	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 10cm x 12.5cm	dùng để vá màng cứng lâu dài trong cơ thể người, tự dính, không cần khâu. Kích thước 2,5cm x 2,5cm	2	Miếng
390	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 2.5cm x 2.5cm	dùng để vá màng cứng lâu dài trong cơ thể người, tự dính, không cần khâu. Kích thước 2,5cm x 2,5cm	2	Miếng
391	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 2.5cm x 7.5cm	dùng để vá màng cứng lâu dài trong cơ thể người, tự dính, không cần khâu cỡ 2.5cm x 7.5cm	2	Miếng
392	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 5cm x 5cm	dùng để vá màng cứng lâu dài trong cơ thể người, tự dính, không cần khâu cỡ 5cm x 5cm	2	Miếng
393	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 7.5cm x 7.5cm	dùng để vá màng cứng lâu dài trong cơ thể người, tự dính, không cần khâu cỡ 7.5cm x 7.5cm	2	Miếng
394	Miếng vá màng cứng tự tiêu cỡ 10cm x 12.5cm	Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu cỡ 10cm x 12.5cm	2	Miếng
395	Miếng vá màng cứng tự tiêu cỡ 2.5cm x 2.5cm	Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu cỡ 2.5cm x 2.5cm	2	Miếng
396	Miếng vá màng cứng tự tiêu cỡ 2.5cm x 7.5cm	Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu cỡ 2.5cm x 7.5cm	2	Miếng
397	Miếng vá màng cứng tự tiêu cỡ 5cm x 5cm	Kích cỡ: 5cm x 5cm, thiết kế toàn bộ miếng vá đều có các vi hóc kích thước 50-150 micron. Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu	2	Miếng
398	Miếng vá màng cứng tự tiêu cỡ 7.5cm x 7.5cm	Kích cỡ: 7.5cm x 7.5cm, thiết kế toàn bộ miếng vá đều có các vi hóc kích thước 50-150 micron. Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính, không cần khâu	2	Miếng
399	Dây liệt tim	- Thể tích dịch mỗi: 30ml - Lượng máu tối đa: 2500ml/phút - Tương thích máy hãng Sorin	700	Bộ
400	Cardioplegia set CSC14 hoặc tương đương	- Thể tích dịch mỗi: 30ml - Lượng máu tối đa: 2500ml/phút - Tương thích máy hãng Sorin	700	Bộ
401	Prelude (Sheath 4 + Sheath 5 Merrit) hoặc tương đương	Có Guirewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm - Đủ các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr dài 7 cm, 11 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.	770	Cái
402	Catheter cắt đốt điện sinh lý	tương thích máy cắt đốt điện sinh lý 64 kênh EMS-XL hãng Mennen Medical	10	Cái
403	Catheter chẩn đoán thăm dò điện sinh lý, loại 4 cực thăm dò điện sinh lý	chức năng thăm dò chức năng điện sinh lý các cỡ	2	Cái
404	Bộ thả dù đóng còn ống động mạch các loại, các cỡ	Với ống đẩy gồm đầu tip cân quang, van plastic, cáp chuyển tải và dụng cụ tải, van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay.	40	Cái
405	Dụng cụ bung dù có valve vận cầm máu, kết cấu lõi lưới kim loại, ống nén dù thông liên nhĩ	Có Van vận cầm máu, cho phép kiểm soát bóng khí khi nén dù	60	Cái
406	Dụng cụ bung dù đóng thông liên nhĩ/ liên thất các cỡ	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý - Đĩa có chức năng giúp quá trình nội mạc hóa lên từ bên trong	80	Cái
407	Dụng cụ thả dù ASD phủ platin các loại các cỡ	Đầu cong Sheath 45 độ phù hợp đưa dụng cụ	4	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
408	Bộ lọc cô đặc máu trẻ em DF 030 hoặc tương đương	- Tốc độ lọc khoảng 16 ml/h/mmHg - Diện tích màng lọc: 0.3m <sup>2</sup> - Thể tích máu: 32ml - Áp suất : <40mmHg - Bộ lọc cô đọng máu có khả năng lọc Urea, Creatinine, Phosphates, Vitamin B12.	100	Bộ
409	Bộ phổi nhân tạo Oxygenator Affinity Pixie trẻ em 5 - 20 kg, 1200 ml hoặc tương đương	- Thể tích bình chứa có 2 màng lọc bên trong lồng, có van điều tiết áp lực âm/ dương, lưu lượng máu trao đổi 0.1 -> 2 lít/phút	50	Bộ
410	Bộ phổi nhân tạo Oxygenator Capiox FX05 hoặc tương đương	Dung tích bình chứa: 1000ml Lưu lượng tối đa 1,5 Lit/phút. Phổi tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester, lỗ màng lọc 32 micromet, có diện tích bề mặt 130cm <sup>2</sup> . Thể tích hoạt động tối thiểu 15ml.	100	Bộ
411	Bộ phổi nhân tạo Oxygenator Capiox RX05 hoặc tương đương	Dung tích bình chứa : 1000ml Lưu lượng tối đa là 1,5 Lit/phút. Phải bảo đảm thể tích tối thiểu hoạt động 15ml.	100	Bộ
412	Bộ phổi nhân tạo Oxygenator Capiox RX15 hoặc tương đương	Dung tích bình chứa : 3000ml Lưu lượng tối đa là 4 Lit/phút. Phải bảo đảm tích hoạt động 70ml.	30	Bộ
413	Bộ phổi nhân tạo Sorin Dideco Kid 101 hoặc tương đương	Phổi nhân tạo phủ lớp tương thích sinh học - Diện tích màng lọc: 0.61m <sup>2</sup> - Lưu lượng máu tối đa: 2500ml/phút - Thể tích bình chứa: 1500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 30ml	50	Bộ
414	Bộ phổi nhân tạo Sorin Dideco Kids100 hoặc tương đương	Phổi nhân tạo phủ lớp tương thích sinh học - Diện tích màng lọc: 0.22m <sup>2</sup> - Lưu lượng máu tối đa: 700ml/phút - Thể tích bình chứa: 500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 10ml	30	Bộ
415	Bộ phổi ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg	- Thể tích mỗi : 81 ml - Lưu lượng máu : 0.2-2.8 lít /phút - Diện tích bề mặt trao đổi khí : 0.8m <sup>2</sup> - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0.15m <sup>2</sup>	12	Bộ
416	Phổi và dây ECMO dùng cho bệnh nhân trên 20kg	- Lưu lượng máu : 0.5-7 lít/phút - Diện tích bề mặt trao đổi khí : 1.8m <sup>2</sup> - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0.4m <sup>2</sup>	12	Bộ
417	Bộ dây dẫn tuần hoàn ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg	tương thích Bộ phổi ECMO dùng cho bệnh nhân dưới 20kg như sau: Thời gian sử dụng phổi liên tục 14 ngày -Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút -Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút -Thể tích mỗi (priming): ≤ 90 ml -Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m <sup>2</sup> -Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m <sup>2</sup> -Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch -Công lấy mẫu động mạch: Luer lock -Chất liệu của các chi tiết: oSợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) oSợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) oThân phổi: Polycarbonate (PC) -Phủ chất chống đông máu Bioline	12	Bộ
418	Bộ Bơm bóng áp lực kèm khóa tự động	Dung tích 20ml Áp lực tối đa 25 atm Có kèm dụng cụ nối	80	Bộ
419	Bóng đôi nong sàn não thất	Catheter chất liệu polyurethane kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone trong suốt, kèm 1 xi lanh 1ml	12	Cái
420	Bóng nong (balloon) tim bẩm sinh, nong van động mạch phổi, mạch máu, đặt stent, áp lực thấp chất liệu Co-polymer, có marker vàng cân quang, loại VACS II	Bóng không đàn hồi không bị giãn nở theo chiều dọc, không bị biến dạng ngay cả tại áp lực vỡ bóng, bơm xả nhiều lần.	30	Cái
421	Bóng nong mạch máu thần kinh pITA Dilatation Balloon Catheter	Bóng điều trị hẹp nội sọ, X ray marker thuận sát với ống; Bóng áp lực cao: áp lực thường 10atm, áp lực vỡ bóng 18atm, có 1 marker; Bóng áp lực thường: áp lực thường 6atm, áp lực vỡ bóng 14atm, có 2 marker, tương thích dây dẫn 0.014 inch	10	cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
422	Bóng nong van động mạch phổi, động mạch chủ áp lực thường	- Chiều dài bóng từ 20, 30, 40, 50 đến 60 mm - Đường kính bóng từ 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 12.0, 14.0, 15.0, 16.0, 17.0, 18.0, 19.0, 20.0, 22.0, 24.0, 26.0, 28.0, 30.0mm - Áp lực thường từ 1.0 atm đến 4.5 atm - <b>Áp lực nổ từ 1.5 cho đến 6.0 atm</b>	100	Cái
423	Amplatzter Guidewire (7.5 + 1.5) hoặc tương đương	- Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ - Đường kính dây dẫn: 0.035 inch	70	Cái
424	Vì dây dẫn đường can thiệp cỡ 0,018"	Đường kính vì dây dẫn 0,018" Độ dài tối thiểu 135cm	30	Cái
425	Vì dây dẫn đường can thiệp cỡ 0,014"	Không mối hàn. Kích thước: 0.014" x 180cm. Đoạn đầu chất liệu kim loại.	90	Cái
426	Radifocus Guide Wire M (0.035 đầu cong dài 1.5m)	Đường kính 0.035" cong 3cm Gồm đủ loại đầu chữ J và đầu thẳng Dài 150cm.	500	Cái
427	Radifocus Guide Wire M (260 cm)	Đường kính 0.035" cong 3cm Gồm đủ loại đầu chữ J và đầu thẳng Dài 260cm.	80	Cái
428	Dù đóng còn ống động mạch	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới - Đĩa giúp quá trình nội mạc hóa lên từ bên trong - Kích cỡ đa dạng (A/B): 5/4, 6/4, 8/6, 10/8 (mm)	130	Cái
429	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ các loại, các cỡ	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol, thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của vách liên nhĩ. - Kích cỡ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,22,24, 26,28,30,32,34,36,38,40 mm	40	Cái
430	Dù Pícolo hoặc tương đương	- Dụng cụ được thiết kế từ hợp kim nhớ hình dạng lưới - Kích cỡ đa dạng (đường kính eo/ độ dài giữa các đĩa): 3/2, 3/4, 3/6, 4/2, 4/4 (mm)	17	Cái
431	Dù đóng lỗ thông liên thất các cỡ	Dù đóng thông liên thất không có núm đầu xa. Dễ dàng định vị và thu dù lại, quá trình đóng kín và nội mạc hóa nhanh. Kích cỡ phổ biến ở các size 4,6,8,10,12.	40	Cái
432	Dụng cụ bắt dị vật các cỡ snare	- Các dây cáp thiết kế xoắn lại với nhau, các dây cáp có tính mềm dẻo, độ xoắn được kiểm soát 1:1 - Có dải <b>cán quang giúp xác định thiết bị</b>	50	Cái
433	Chất tắc mạch onyx	Được thiết kế để tạo ra sự xâm nhập hoàn toàn và tạo khối hoàn chỉnh để nút mạch	60	lọ
434	Dây nối tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực	Dây dẫn tín hiệu ngoài mạc cho máy tạo nhịp tim dài 35 cm, vỏ silicone và cố định vít xoắn 3,5 mm.	4	Cái
435	Máy tạo nhịp nội tâm mạc 1 buồng đáp ứng tần số VVIR, tương thích MRI.	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Bộ máy tạo nhịp 1 buồng kèm dây - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim	10	Cái
436	Máy tạo nhịp nội tâm mạc 1 buồng tương thích MRI.	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với phát hiện tự động từ trường MRI. Với thời gian hoạt động dự tính >14,7 năm với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200 n/p, thích hợp cho mọi bệnh nhân. Với chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung thất với biên độ chỉ +0,3V trên ngưỡng, với kiểm tra hiệu quả sau mỗi xung và với xung dự phòng khi tạo nhịp không thành công. Với độ nhạy thích ứng như trong máy phá rung. Điều chỉnh wireless. San bằng nhịp giúp bệnh nhân với nhiều ngoại tâm thu hay rung nhĩ có nhịp đều. Cài sẵn chương trình theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi. Máy dây 6,5 mm, cỡ 10 cc.	10	Cái
437	Dây dẫn vít xoắn hoặc mỏ neo, tương thích cộng hưởng từ.	Dây điện cực tạo nhịp dùng kim chọc 6F, tương thích MRI toàn thân 1,5 và 3 Tesla đến 4 W/Kg. 3. Có lớp phủ fractal Iridium, giúp đạt biên độ sóng cao, ngưỡng tạo nhịp thấp.	10	Cái
438	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng và tương thích MRI.	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Bộ máy tạo nhịp 2 buồng kèm dây - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim	5	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
439	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng và tương thích MRI, hỗ trợ đo trở kháng lồng ngực.	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với phát hiện tự động từ trường MRI. Với thời gian hoạt động dự tính >11, 3 năm với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim 2 kênh với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200 n/p, thích hợp cho mọi bệnh nhân. Với chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung thất với biên độ chỉ +0,3V trên ngưỡng, với kiểm tra hiệu quả sau mỗi xung và với xung dự phòng khi tạo nhịp không thành công. Chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung ở nhĩ với biên độ chỉ +0,5V trên ngưỡng. Với độ nhạy thích ứng như trong máy phá rung ở nhĩ và thất. Với 2 chương trình giảm tạo nhịp ở thất. Điều chỉnh wireless. San bằng nhịp giúp bệnh nhân với nhiều ngoại tâm thu nhĩ hay rung nhĩ có nhịp đều. Cài sẵn chương trình theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi. Máy dày 6,5 mm, cỡ 11 cc.	4	Cái
440	Hạt nút mạch điều trị ung thu gan Hepasphere™ Microspheres hoặc tương đương	Hạt nút mạch điều trị ung thu gan	2	Lọ
441	Hạt nút mạch embosphere hoặc tương đương	Hạt nút mạch hình cầu chất liệu trisacryl gelatin pha sẵn có nhiều kích cỡ trong cùng 1 syringe, có tính đàn hồi cho phép nén tạm thời lên đến 33%, kích cỡ hạt từ 40 - 1200 µm (2ml)	1	Lọ
442	Ví dây dẫn can thiệp mạch máu não	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014", có thể đi xuyên qua huyết khối và đảm bảo ống thông luôn giữ nguyên vị trí	50	cái
443	Ví dây dẫn mạch máu thần kinh	Đường kính tối đa 0,018" Chiều dài tối đa 200cm	50	cái
444	Ví dây dẫn can thiệp mạch não Traxcess hoặc tương đương	Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm.	40	cái
445	Ví dây dẫn hydrid 0.008"	Ví dây dẫn can thiệp siêu ái nước, đầu gần làm bằng thép không gỉ, đầu xa làm bằng nitinol, đường kính 0.018"	60	cái
446	Cuộn nút mạch não	Đường kính sợi coil tối thiểu từ 0.0115" đường kính coil từ 1.5mm, chiều dài cuộn coil tối đa 50 cm	50	cái
447	Cuộn nút mạch máu não loại mềm	Điểm tách coil phải đáp ứng dưới 01 giây khi kết nối với dụng cụ cắt coil Đường kính coil tối thiểu 1mm Chiều dài coi tối đa 65cm	70	cái
448	Vòng xoắn kim loại gây tắc mạch	- Dạng coil dây - Chiều dài khi thả tối đa 17mm	100	Cái
449	Vòng xoắn kim loại siêu mềm	- Đường kính sợi coil từ 0.0115" - Đường kính coil tối đa 6mm - Chiều dài cuộn coi tối đa 20cm	40	cái
450	Phim chụp laser Dryview DVB cỡ 20cm x 25cm hoặc tương đương	- Kích thước 20cm x 25cm - Độ tương phản: 0.6 và 2.0 - Tương thích với máy in hãng Carestream	54.000	Tấm
451	Phim XQ KTS Drystar DT2B 35x43cm (14x17in) hoặc tương đương	-Kích thước (14x17in) Tương thích với DRYSTAR AXYS )	10.920	Tấm
452	Bộ kết nối thâm phân phúc mạc	Catheter đầu cong dùng thăm phân phúc mạc tương thích máy Homechoice hãng Baxter	3.550	Cái
453	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Chất liệu bằng Titanium Vô trùng không gây dị ứng	21	Cái
454	Quả lọc máu cho trẻ em kèm dây dẫn	Diện tích bề mặt 0,25m2 Thể tích mỗi 45ml Dây dẫn quả lọc máu kèm túi chứa chất thải	300	Bộ
455	Quả lọc máu cho người lớn kèm dây dẫn	Diện tích bề mặt 0,68m2 Thể tích mỗi 137ml Dây dẫn quả lọc máu kèm túi chứa chất thải	40	Bộ
456	Màng lọc hấp phụ cytokin	- Thể tích hấp phụ: 330ml - Thể tích khoang máu :185ml - Diện tích hấp phụ: 104.000m2 - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút	15	cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
457	Màng lọc hấp phụ resin	- Thể tích hấp phụ: 230ml - Thể tích khoang máu : 145ml - Diện tích hấp phụ: 70.000m <sup>2</sup> - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: < 100kPa	3	cái
458	Quả lọc trao đổi huyết tương	Quả lọc được kết nối sẵn với bộ dây dẫn Diện tích màng: 0,15 m <sup>2</sup> Tốc độ máu tối thiểu: 50ml/min Tốc độ máu tối đa: 180ml/min"	40	cái
459	Quả lọc máu (Multifiltrate kit 16 MPS P2DRY	Diện tích màng 0,6 m <sup>2</sup> , thể tích làm đầy 67ml	40	Quả
460	Quả lọc máu (Multifiltrate kit 4 CVVHDF 600)	Diện tích màng 1,4m <sup>2</sup> . Bộ gồm: dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm dây dịch lọc, dây dịch bù có túi làm ấm.	94	Cái
461	Quả lọc máu (Multifiltrate kit Midi CVVHDF 400)	Diện tích màng 0,75m <sup>2</sup> . Thể tích làm đầy 52ml Bộ gồm: dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm dây dịch lọc, dây dịch bù có túi làm ấm	70	Quả
462	Quả lọc máu (Multifiltrate kit paed CRRT/SCUF), Diện tích màng 0,2 m <sup>2</sup> . Thể tích làm đầy 18ml	Diện tích màng 0,2 m <sup>2</sup> . Thể tích làm đầy 18ml	35	Quả
463	Bộ dây chạy thận nhân tạo nhi	Tương thích với máy chạy thận 4008S	2400	Bộ
464	Màng lọc Diasafe	Tương thích với máy chạy thận 4008S	19	quả
465	Quả lọc Middleflux 130 hoặc tương đương	Diện tích màng 1,3m <sup>2</sup> Màng lọc loại bỏ được các chất có kích thước phân tử trung bình và lớn, thải trừ hiệu quả β <sub>2</sub> -microglobulin	180	Quả
466	Quả lọc thận Middleflux 110 Sureflux - 110 E	Diện tích màng 1,1m <sup>2</sup> , màng lọc loại bỏ được các chất có kích thước phân tử trung bình và lớn, thải trừ hiệu quả β <sub>2</sub> -microglobulin	130	Quả
467	Quả lọc thận Middleflux 70 Sureflux - 70 E	Diện tích màng 0,7m <sup>2</sup> Màng lọc loại bỏ được các chất có kích thước phân tử trung bình và lớn, thải trừ hiệu quả β <sub>2</sub> -microglobulin	240	Quả
468	Quả lọc thận Middleflux 90 Sureflux - 90 E	Diện tích màng 0,9m <sup>2</sup> Màng lọc loại bỏ được các chất có kích thước phân tử trung bình và lớn, thải trừ hiệu quả β <sub>2</sub> -microglobulin	500	Quả
469	Đầu dò cắt cuốn mũi	- Đầu đốt cuốn mũi dùng cho máy Coblator II. - Thiết kế không có đường nước . - Đầu có chia 3 vạch như một thước đo để định độ sâu của việc đưa vào trong cuốn mũi. Mỗi vạch có độ lớn là 5mm, vạch đầu tiên ở vị trí 15mm tính từ đầu của đầu cắt, vạch cuối ở vị trí 30mm.	6	Cái
470	Đầu dò mổ amidan và nạo V.A	- Thăng có thể uốn cong, chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm) - Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút - Tương thích máy Coblator II	60	Cái
471	Băng đạn, ghim khâu	các cỡ 30mm, 45mm, 60mm dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng công nghệ Tri-staple	3600	Cái
472	Rọ lấy sỏi niệu quản	cấu tạo gồm 4 sợi, 3Fr x 90cm làm bằng nitinol, lấy sỏi niệu quản	7	Cái
473	Đinh chốt căng chân các cỡ	Gồm : 01 đinh và 4 vít chốt. - Đinh đường kính đa dạng lần lượt là 8mm, 9mm, 10mm với các chiều dài : 260, 280, 300, 320, 340 mm; - Vít chốt đường kính 4.0 mm với chiều dài : 30mm đến 70 mm, gia số tăng 5 mm.	4	Cái
474	Đinh Elastic hoặc tương đương	Đinh Elastic đường kính 3.0 - 3.5 dài 500 mm	100	Cái
475	Đinh đóng xương Kirschner các cỡ hoặc tương đương	Đường kính từ 1.0mm đến 3.5mm, dài từ 150mm đến 400mm	500	Cái
476	Đinh Rush 2.5/3/3.5/4/4.5 hoặc tương đương	đường kính 2.5/3/3.5/4/4.5 dài 500mm	100	Cái
477	LGC- Vít đa trục các cỡ hoặc tương đương	Vít đa trục các cỡ	48	Cái
478	Nẹp vít căng tay 6 lỗ	Nẹp vít căng tay 6 lỗ	12	Cái
479	Vis cột sống đa trục (các cỡ)	Vít đa trục cánh ren ngược, các cỡ	48	Cái
480	Vis khóa 3.5 các cỡ	vis khóa đường kính 3,5 chiều dài các cỡ	30	Cái
481	Vis sọ Titan (các cỡ)	Chất liệu titan, tự khoan, tự taro, dài các cỡ	120	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
482	Vis vá sọ tự tiêu	Chất liệu tự tiêu chức năng vá sọ	360	Cái
483	Vis vò 3.5 các cỡ	- Đường kính 3.5mm x 12 - 42mm, với mỗi bước tăng 2 mm. - Chất liệu : thép không gỉ	30	Cái
484	Vis khóa 4.0 các cỡ	Chiều dài 12 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm.Toàn ren. Đường kính 4.0mm	24	Cái
485	Vít xóp 4.0 các cỡ	- Đường kính 4.0mm x 12 - 44mm, với mỗi bước tăng 2 mm. - Chất liệu : thép không gỉ	24	Cái
486	Đai số 8	Vật liệu: - Vải cotton, nút xóp. - Khóa Velcro. -Có các size S,M,L,XL,XXL	40	Cái
487	Đai trám kim loại	-Đai kim loại linh hoạt, ổn định vị trí, dễ sử dụng, đủ độ mềm dẻo, dễ dàng uốn cong -Có thể hấp và tái sử dụng	1	Hộp
488	Đai vai chi trên size 1	Vật liệu: - Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. - Có các size S,M,L,XL	2	Cái
489	Đai xenlulo (Đai nhựa)	Đai nhựa, bề mặt mỏng, không bám dính kích thước : 10x1 cm	2	Hộp
490	Đai xương đòn	Vật liệu: Vải cotton , nút xóp size: 1,2,3,4,5,6,7,8,9	268	Cái
491	LGC – Nẹp dọc	Tương thích với kẹp giữ thanh nối ngang Chất liệu titan, hình trụ vuông dài, có thể cắt ngắn tùy trường hợp	10	Cái
492	Nẹp căng chân các cỡ	- Gồm 4/ 5/ 6/ 7/ 8/ 9/ 10/ 11/ 12/ 14/ 16 lỗ với chiều dài 78/ 96/ 114/ 132/ 150/ 168/ 186/ 204/ 222/ 258/ 294 mm.	10	Cái
493	Nẹp cánh tay các cỡ	- Gồm 4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ ứng với chiều dài 56, 69, 82, 95, 108, 121, 134, 147, 160mm. - Sử dụng vít 4.0mm.	10	Cái
494	Nẹp cổ cứng	Vật liệu : EVA có 3 size 7cm-9cm-11cm	52	Cái
495	Nẹp cổ định	Chất liệu xóp mềm, trọng lượng nhẹ và co giãn 4 chiều Có 3 size S,M,L	6	Cái
496	Nẹp cổ mềm	Vật liệu : Vải, nút xóp mềm, nhẹ và thoáng khí. Bao gồm 3 size 5cm-6cm-8cm-10cm	86	Cái
497	Nẹp đùi các cỡ	- Sử dụng vít 4.5mm, thân nẹp lỗ vít hình giọt nước. - Chất liệu thép không gỉ	5	Cái
498	Nẹp hông nhi	-Bản lề hông có thể điều chỉnh góc ba chiều -Giá đỡ chân và hông lưng được làm từ loại nhựa đặc biệt có độ dẻo tốt và độ thoáng mát cao, đồng thời có thể ôm sát cơ thể -Dây đai cố định -Lớp lót xóp -Nẹp có thể sử dụng ở tư thế nằm ngửa, ngồi và đứng	2	Cái
499	Nẹp khóa căng tay các cỡ	- Gồm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 lỗ ứng với chiều dài 51, 64, 77, 90, 103, 116, 129mm. - Sử dụng vít 4.0mm.	2	Cái
500	Nẹp mắc xích các cỡ	- Sử dụng vít 3.5 / 4.0mm, thân nẹp lỗ vít hình tròn. - Chất liệu thép không gỉ	4	Cái
501	Nẹp nhôm Inserlin	- Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xóp mềm. - Thanh nẹp thẳng, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở vị trí chức năng khi sử dụng.	50	Cái
502	Nẹp nối vis cột sống	Nẹp nối vis cột sống	2	Cái
503	Nẹp sọ tự tiêu (các cỡ)	Bao gồm 2 miếng bằng chất liệu tự tiêu, tròn, đường kính 14mm liên kết bằng một trụ tự tiêu, không cần dùng vít.	24	Cái
504	Nẹp thun quấn ngón 1	Nẹp thun quấn ngón	2	Cái
505	Nẹp vải căng chân (T) , (P) các số	Chất liệu: -Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. -Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm. -Bao gồm các size 80cm,85cm,90cm,95cm	150	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
506	Nẹp vải cẳng tay (T) , (P) các số	Chất liệu: -Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông. -Bao gồm các size 8,9,10,11,12,13,14,15,16	160	Cái
507	Nẹp vải cẳng tay Iselin size 4	Chất liệu: Hợp kim nhôm dễ uốn cong có lớp xốp mềm	2	CÁI
508	Nẹp vải cánh bàn tay (T) , (P) các số	Chất liệu: - Vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí. -Băng nhám dính, nẹp hợp kim nhôm.	168	cái
509	Nẹp zymer các số	Chất liệu: Vải không dệt, có thể điều chỉnh kích cỡ, sử dụng 4 thanh nẹp hợp kim nhôm	100	cái
510	Nẹp nối ngang	Nẹp y tế nối ngang	4	Cái
511	Thanh nâng ngực các cỡ	Chức năng : Thanh nâng ngực Kích thước: Các cỡ	40	Cái
512	Kim bấm sử dụng cho ETHICON Linear Cutters hoặc tương đương	Chức năng: Kim bấm Kích thước : 55mm	186	Cái
513	Kim bấm sử dụng cho ETHICON Linear Cutters 75mm NTLC75	Chức năng: Kim bấm Kích thước : 75mm	66	Cái
514	Băng keo nhiệt	Kích thước: 2,4cm x 55m	29	Cuộn
515	Bao dây camera nội soi	Kích thước 150mm x 2,5m Đóng gói vô trùng riêng biệt	16.000	Cái
516	Bộ buồng tiêm dưới da 6.5F	- Buồng chứa có thể chịu được áp lực tới 325 psi, tương thích MRI, không chứa latex, DEHP - Ống thông đường kính ngoài 2.1mm, đường kính trong 1.4mm, dài 800mm.6.5F	94	Bộ
517	Bộ buồng tiêm dưới da 8.5F	- Buồng chứa có thể chịu được áp lực tới 325 psi, tương thích MRI, không chứa latex, DEHP - Ống thông đường kính ngoài 2.1mm, đường kính trong 1.4mm, dài 800mm.8.5F	95	Bộ
518	Bộ đo huyết áp động mạch Art-line có dây nối phụ	- Đầu truyền dịch hình chữ J mỏng giúp lấy nhẹ; Cảm biến nhạy, đầu ra kết nối cáp monitor kiểu giống cáp internet - Nguyên liệu PVC y tế, thân thiện môi trường.	4.000	Bộ
519	Bộ Phận dẫn truyền cảm ứng đo HA xâm lấn 2 đường Art-line AE-0123. Tiêu Chuẩn FDA	Cảm biến nhạy, đầu ra kết nối cáp monitor kiểu giống cáp internet, 2 đường Art-line - Nguyên liệu PVC y tế, thân thiện môi trường.	10	Cái
520	Điện cực tìm nền xốp 3M	Kích thước 3,7cm x 3,3cm	90.430	Miếng
521	Clip Polymer kẹp mạch máu cỡ ML	Chất liệu: Polymer không tiêu, gồm khớp động và khóa giúp đóng nhanh và hiệu quả.	532	Cái
522	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ M	Chất liệu: titanium, Thiết kế dạng chữ V, có các rãnh trong lòng clip, bên ngoài có khắc định hình	1.080	Cái
523	Dụng cụ phẫu thuật cầm máu polyme các cỡ (Kẹp mạch máu Hemolok SD 301.733) hoặc tương đương	- Kẹp được mạch máu cỡ 5 mm đến 13 mm - Chiều dài chân clip ngoài: 13.0 mm. Độ dày chân clip: 1.29 mm - Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1.2 mm, khi mở: 10.2 mm	600	Cái
524	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Dung dịch sát khuẩn bề mặt chứa Didecylmethylammonium chloride, polyhexamethylene biguanide hydrochloride hoặc tương đương, đóng thành từng chai tối đa 750ml	92	Lít
525	Mask gây mê các số 1, 2, 3, 4, 5	Mặt nạ gây mê, cơ nối tương thích theo các size người lớn, trẻ em, sơ sinh. Các số 1, 2, 3, 4, 5	1.460	Cái
526	Mask oxy đơn giản trẻ em các size (Oxygen therapy mask)	Chất liệu vinyl sạch, mềm. - Điều chỉnh chốt clip ở mũi bảo đảm sự thoải mái nhất cho bệnh nhân	120	Cái
527	Mask thanh quản	Mask thanh quản 2 nòng các số 1 đến 5	40	Cái
528	Mask thở oxy có túi size XL, L, M, S, XS	Gồm: Mask, dây, gọng răng, có túi dự trữ	178	Cái
529	Mask thở oxy qua đường mở khí quản người lớn, trẻ em kèm dây nối oxy	- Có kèm dây nối oxy - Có nhiều kích cỡ cho trẻ em	36	Cái
530	Bộ mask thở khí dung trẻ em có mask, bầu phun, dây oxy. 130 107	Mask kèm bầu phun, dây oxy	2.082	Cái
531	Mũi khoan kim cương các cỡ trong nha khoa	Mũi khoan kim cương các cỡ trong nha khoa nhiều hình dạng	500	Cái
532	Mũi khoan nội nha (Endo Z hoặc tương đương)	Mũi khoan nội nha mở buồng tủy, bảo vệ sàn tủy	60	Cái
533	Mũi khoan, cắt sọ Stryker hoặc tương đương	Mũi khoan tương thích với hệ thống khoan cắt sọ não Stryker	12	Cái
534	Lọc 3 chức năng ( Lọc khuẩn & giữ ẩm ), có công đo CO2 cỡ lớn	Hiệu quả lọc cao >99.99% Khoảng chết thấp 82ml, dòng khí đi qua 150-1500ml	4.800	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
535	Lọc 3 chức năng ( Lọc khuẩn & giữ ẩm ), có công đo CO2 cỡ sơ sinh	Hiệu quả lọc cao $\geq 99.99\%$ Khoảng chết tối đa 30ml, thể tích lưu thông 30ml-150ml. Không chứa DEHP, không chứa Latex.	5.600	Cái
536	Lọc 3 chức năng ( Lọc khuẩn & giữ ẩm ), có công đo CO2 cỡ trung	Trong suốt, Có công lấy mẫu khí, Không chứa latex	1.200	Cái
537	Kydheamo 2A hoặc tương đương	Dịch thẩm phân, bao gồm: Natri clorid, kali clorid, magnesi Clorid, Calci Clorid, Acid acetic, Glucose H2O	12.000	Lít
538	Dung dịch Custodiol hoặc tương đương	Dung dịch dùng trong mổ tim, bảo quản tạng	500	Túi
539	Dung dịch Glutaraldehyd 0.65% hoặc tương đương	Dùng ngâm màng ngoài tim	50	Chai
540	Ống bơm nong thực quản	Tay cầm tích hợp điều khiển bơm/ tán sỏi Alliance™ II - Bóng nong đường mật / cơ vòng CRE™ PRO, đk 10-11-12mm, có ngã guidewire- - Que nong bóng Achalasia thực quản sử dụng một lần , ĐK 30mm - Bóng nong thực quản CRE™ PRO, đk 18-19-20mm, có ngã guidewire - Que nong bóng Achalasia thực quản sử dụng một lần , ĐK 35mm	1	Cái
541	Tay cầm tích hợp điều khiển bơm/ tán sỏi Alliance™ II trong Ống bơm nong thực quản	Dùng bơm bóng nong thực quản, đường mật cơ vòng các loại.	3	Cái
542	Que nong bóng Achalasia thực quản sử dụng một lần, ĐK 30mm trong Ống bơm nong thực quản	Loại RigiFlex II. Siêu bền không thấm nước. Dùng nong thực quản và tâm vị. Chiều dài bóng 10cm. Đường kính bóng bơm 30mm. Đường kính dây dẫn bóng 14Fr dài 90cm. Có ngã luôn guidewire 0.035 - 0.038 inch.	3	Cái
543	Que nong bóng Achalasia thực quản sử dụng một lần, ĐK 35mm Ống bơm nong thực quản	Loại RigiFlex II. Siêu bền không thấm nước. Dùng nong thực quản và tâm vị. Chiều dài bóng 10cm. Đường kính bóng bơm 35mm. Đường kính dây dẫn bóng 14Fr dài 90cm. Có ngã luôn guidewire 0.035 - 0.038 inch.	3	Cái
544	Bóng nong đường mật/ cơ vòng CRE™ PRO, đk 10-11-12mm, có ngã guidewire trong Ống bơm nong thực quản	Loại CRE. Chất liệu Pebax, siêu bền không thấm nước. Dùng nong đường mật hoặc cơ vòng. Chiều dài bóng 5.5cm. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 10-11-12mm tương thích với 3-5-8ATM. Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr dài 180cm. Có ngã luôn guidewire 0.035 inch.	3	Cái
545	Bóng nong thực quản CRE™ PRO, đk 18-19-20mm, có ngã guidewire trong Ống bơm nong thực quản	Loại CRE. Chất liệu Pebax, siêu bền không thấm nước. Dùng nong thực quản. Chiều dài bóng 5.5cm. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 18-19-20mm tương thích với 3-4.5-6ATM. Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr dài 180cm. Có ngã luôn guidewire 0.035 inch.	3	Cái
546	1322-24mm Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: 24mm x 55m Bám dính, chịu nhiệt độ cao trong suốt quá trình tiết trùng. Sau tiết trùng, các vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu khác.	29	Cuộn
547	Axit dùng trong trám răng (Actino Gel)	vật liệu trám đặc quánh bán phần .Vật liệu dùng trong kỹ thuật soi mòn, trám bít kín cơ học các lỗ nhỏ, khe nứt trên bề mặt men và ngà răng	4	Cái
548	Que đường huyết	Chỉ đo đường glucose trong máu, không đo các loại đường khác	20000	Cái
549	Băng dán có gạc vô trùng	Băng dán vô trùng; chống thấm ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập. có thể tắm rửa được.	200	Miếng
550	Bóng bóp giúp thở	Chất liệu silicon, có kích cỡ dùng được cho trẻ sơ sinh, trẻ em	305	Hộp
551	Ống dẫn lưu động mạch chủ	Kích cỡ 18Fr (8GA)	20	cái
552	Áo làm lạnh trẻ sơ sinh tương thích với máy hạ thân nhiệt toàn phần Criticol hoặc tương đương	Áo làm lạnh trẻ sơ sinh tương thích với máy hạ thân nhiệt toàn phần Criticol	15	Cái
553	Áo phẫu thuật các size	Chất liệu vải không dệt, không đường may, vô khuẩn	8.000	Cái
554	Bộ lọc động mạch	Bộ lọc động mạch kích thước : 1/4-1/4	200	cái
555	Băng đựng hóa chất Sterrad 100S Cassettes hoặc tương đương	Tương thích với máy hấp Plasma nhiệt độ thấp jonsion	72	Cái
556	Bao đệm gac 40 x 120cm	Kích thước: 40 x 120cm	20	Cái
557	Bao kính camera Aesculap hoặc tương đương	Đóng gói vô trùng	200	Cái
558	Bao kính hiển vi 2.6 x 1.5m	Màng nhựa PE; tiết trùng bằng khí EO; kích thước 2.6m*1.5m	120	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
559	Bao kính hiển vi 1.2 x 1.2m	Màng nhựa PE; tiệt trùng bằng khí EO; kích thước 1.2m*1.2m	240	Cái
560	Bibag 5008S hoặc tương đương	Trọng lượng: 900g	960	cái
561	Bình chứa dịch	Chức năng: Chứa dịch	38	Cái
562	Bình chứa dịch Curasys Canister Type C hoặc tương đương	Dùng tương thích với máy hút dịch Curasys; có nút ấn dùng để tháo lắp bình với máy hút dịch	2	Cái
563	Bình làm ấm WILamed hoặc tương đương	Thể tích nền: khi bình trống (390 ml), khi bình được làm đầy (210ml). Lượng nước tối đa: 180ml Lưu lượng khí tối đa: 180 ml Loại sử dụng 01 lần Tương thích với máy thở cao tần Acutronic	400	Cái
564	BioPatch hoặc tương đương	Miếng dán sử dụng để giảm nguy cơ nhiễm trùng tại chỗ, nhiễm trùng máu liên quan đến đặt catheter	600	Miếng
565	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Có cảm biến áp lực dùng đo huyết áp xâm lấn có cảm biến nhiệt	18	Cái
566	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo để băng	Đế băng cho người có hậu môn nhân tạo lõi; sử dụng với túi 2 mảnh 44mm	360	Cái
567	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo để lõi	Đế lõi cho người có hậu môn nhân tạo bị thụt vào trong, bị nghiêng hay bị đứt sử dụng với túi 2 mảnh 44mm	100	Cái
568	Bộ chăm sóc HMNT, túi phân 57mm, lọc khí, khóa cuộn	Có túi phân, bộ lọc khí có khóa cuốn có khử mùi, có thể tắm rửa, dễ chịu cho trẻ, kích thước phù hợp cho trẻ sơ sinh, trẻ em.	840	Cái
569	Bộ chăm sóc vết thương	Khăn trải bàn, gạc, khay nhựa, kẹp nhựa, gòn viên. Đóng gói tiệt trùng	1.750	Bộ
570	Bộ chuyển tiếp	Dụng cụ này dùng để kết nối với đầu nối Titan của Baxter dùng cho ống thông lọc màng bụng	36	Cái
571	Bộ đặt thông tiểu	Tiệt trùng, bao gồm: 10 miếng: Gạc vải không dệt 8 lớp 1 cái: Kẹp xanh 1 cái: Khăn trải bàn màu PE xanh 45 x 60cm 1 cái: Khăn trải bàn thấm 75 x 90 cm, lỗ tròn 8cm 1 cái: Khăn đa dụng 40 x 40cm 1 túi: Túi gel bôi trơn 4g 1 cái: Khay nhựa	12	Bộ
572	Bộ dây NCPAP tương thích với máy thở NCPAP Medin	tương thích với máy thở NCPAP Medin	75	Bộ
573	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml Palsco hoặc tương đương	Hộp đo nước tiểu 500ml + Túi đựng 2000ml Van một chiều chống trào ngược nước tiểu. Có màng lọc khuẩn, điểm lấy mẫu nước tiểu không kim, 2 van 1 chiều	82	Cái
574	Bộ khăn chụp mạch vành D	Bộ khăn gồm: -1 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 200x 240 cm -1 Khăn chụp mạch vành 220x370 cm - 1 Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm - 1 Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm -1 Tấm phủ chắn chì 150x180 cm - 1 Bao kính chắn chì : 100cm x 120cm - 1 Bao đựng remote 10x26cm - 1 Khăn lót 50x60cm	860	Bộ

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
575	Bộ khăn giấy mô tim hờ cho trẻ em	Bộ khăn gồm : - 2 khăn phủ bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x 200cm - 2 khăn không keo thấm 30 x 35cm: vải siêu thấm 130gsm - 1 khăn không keo 100x 100cm, làm từ SMMMS 50gsm - 1 túi dụng cụ 35x40cm, có băng keo hai mặt , túi 2 ngăn - 2 băng keo y tế 9 x 50cm - 1 túi kim chỉ 15x 15cm, có băng keo - 2 khăn phủ bên 80 x 120 cm chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 50gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút 130gsm, có băng keo y tế dùng cố định khăn. - 1 khăn phủ chân 200 x 250cm, chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 50gsm, được gia cố vùng thấm hút 130gsm, có băng keo y tế dùng cố định khăn, có tấm cố định ống dây. - 1 khăn phủ đầu 120 x 230cm, chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 50gsm, được gia cố vùng thấm hút 130gsm, có băng keo y tế , vùng đầu được cấu tạo từ màng plastic có độ trong suốt cao - 5 khăn có keo 80 x 120cm, chất liệu SMMMS 50gsm, có băng keo y tế . - 1 khăn phủ vùng sinh dục 19x35cm, có băng keo y tế - 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100x200cm, có băng keo y tế. - 1 Khăn phủ dụng cụ 150x160cm, chất liệu plastic có độ trong suốt cao	700	Bộ
576	Bộ khăn giấy mô tổng quát	Bộ khăn bao gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200 1 x Băng keo OP 9 x 50 4 x Khăn thấm 30 x 40cm 1 x Khăn phủ đầu: 160 x 250 2 x Khăn phủ bên : 80cm x90cm 1 x Khăn phủ chân: 180 x 200	625	Bộ
577	Bộ lọc bạch cầu của hồng cầu	Thiết bị vô trùng sử dụng để lọc bỏ bạch cầu thu khối hồng cầu	50	Cái
578	Bộ lọc bạch cầu của tiểu cầu	Đề lọc bỏ bạch cầu thu khối hồng cầu	50	Cái
579	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần	Đề loại bỏ bạch cầu từ tiểu cầu	44	Cái
580	Bộ lọc khí thở vào dùng nhiều lần	Loại dùng nhiều lần Tương thích với máy giúp thở Puritan Bennett 840	44	Cái
581	Bộ nong 100cm	Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm đường kính 0.097 cm x chiều dài 100 cm	20	Bộ
582	Bộ nong 150cm	Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm đường kính 0.097 cm x chiều dài 150 cm	10	Bộ
583	Bộ phòng dịch 7 món	Bộ trang phục phòng chống dịch 7 món, gồm: áo phẫu thuật, quần phẫu thuật (hoặc bộ áo liền quần), mũ, giày thông dụng (bao chân), khẩu trang, găng tay y tế, kính bảo hộ.	2.100	Cái
584	Bộ phun khí dung	Bao gồm: Dây xông, mặt nạ và cốc thuốc	200	Bộ
585	Bộ sinh thiết hút	Chức năng: Sinh thiết hút	2	Cái
586	Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ	- Bóng đo nhanh chóng và rõ ràng - Đường kính: 18mm, 24mm, 34mm	30	Cái
587	Bóng gây mê	Các số 1, 2, 3, 4, 5 Chất liệu không gây kích ứng	10	Cái
588	Bóng trong thủ thuật Rashkind vách liên nhĩ hoặc tương đương	- Bóng phá vách liên nhĩ (rashkind) với các marker bằng platinum. - Đường kính 9.5mm và 13.5mm	10	Cái
589	Bột chống loét	Dạng bột Chức năng: Chống loét	100	Chai
590	Bowie- Dick hoặc tương đương	Sử dụng trong quá trình tiệt khuẩn hơi bằng lò hút chân không, kiểm tra độ rò rỉ , khả năng loại bỏ không khí, sự thẩm thấu hơi	1.100	Tờ
591	Bút kèm thước phẫu thuật vô trùng	Bút, thước vô trùng; không trôi	530	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
592	Nút chỉnh nha	Được gắn để mắc dây thun, lò so sợi đàn hồi và dây bất kì hướng nào.	20	Cái
593	Calcium hydroxyde hoặc tương đương	Dùng trong chữa trị ống tủy	49	Hộp
594	Cảm biến lưu lượng khí	Loại dùng nhiều lần Sử dụng cho sơ sinh và trẻ em Tương thích với máy thở cao tần Acutronic	12	Cái
595	Cavilon tím hoặc tương đương	Chống hăm loét; cung cấp độ ẩm, cân bằng pH trên da, giúp bảo vệ da khỏi tác hại của nước tiểu, phân và các loại dịch tiết khác của cơ thể	60	Tuýp
596	Cavilon xanh hoặc tương đương	Dạng xịt, tạo một màng phim bán thấm bảo vệ da khỏi tác hại của nước tiểu, phân và các loại dịch tiết khác của cơ thể;	120	Tuýp
597	Cây nông hậu môn các số	các số từ 1 - 20	280	cây
598	Băng gạc hút dẫn lưu dịch vết thương lớn	Bộ Lớn gồm: - Ống hút dịch, ống bơm dịch, 02 miếng keo - 01 Foam kháng khuẩn NANO foam polyurethane dạng tổ ong, lỗ 450-600 micromet, kích thước (15x 26x 3.3cm) - 01 Găng tay dùng một lần	24	Bộ
599	Băng gạc hút dẫn lưu dịch vết thương vừa	"Bộ Trung gồm: - Ống hút dịch, ống bơm dịch, 02 miếng keo - 01 Foam kháng khuẩn NANO foam polyurethane dạng tổ ong, lỗ 450-600 micromet, kích thước 12.5x18x3.3cm - 01 Găng tay dùng một lần"	84	Bộ
600	Băng gạc hút dẫn lưu dịch vết thương nhỏ	Bộ Nhỏ gồm: - Ống hút dịch, ống bơm dịch, 02 miếng keo - 01 Foam kháng khuẩn NANO foam polyurethane dạng tổ ong, lỗ 450-600 micromet, kích thước 10x 7.5x3.3 cm - 01 Găng tay dùng một lần	36	Bộ
601	Bình có đầu lọc vi khuẩn 1000ml	Bình có thể tích 1000 ml có đầu lọc vi khuẩn	60	Cái
602	Bình có đầu lọc vi khuẩn 500ml	Bình có thể tích 500 ml có đầu lọc vi khuẩn	120	Cái
603	CCNPWT DRAPE hoặc tương đương	keo 20cm*40cm	48	Miếng
604	Bộ thoát nước thay băng lớn	Bộ Lớn gồm - Combo băng gạc thấm nước - 01 Foam kháng khuẩn NANO (15x 26x 3.3cm). - 01 Ống dẫn lưu vết thương nhựa PVC - 01 Tấm phủ PU trong suốt - 01 Dao mổ dùng một lần - 01 Găng tay dùng một lần	6	Bộ
605	Bộ thoát nước thay băng vừa	Bộ Trung gồm - Combo băng gạc thấm nước - 01 Foam kháng khuẩn NANO (12.5x18x3.3cm). - 01 Ống dẫn lưu vết thương nhựa PVC - 01 Tấm phủ PU trong suốt - 01 Dao mổ dùng một lần - 01 Găng tay dùng một lần "	15	Bộ
606	Bộ thoát nước thay băng nhỏ	Bộ Nhỏ gồm - Combo băng gạc thấm nước - 01 Foam kháng khuẩn NANO (10x 7.5x3.3 cm). - 01 Ống dẫn lưu vết thương nhựa PVC - 01 Tấm phủ PU trong suốt - 01 Dao mổ dùng một lần - 01 Găng tay dùng một lần	15	Bộ
607	Chai xịt chống gi dụng cụ	Chức năng: Chống gi dụng cụ	36	Chai
608	Chăn sưởi ủ ấm trẻ nhỏ trong phẫu thuật	Chăn sưởi ấm bệnh nhân dùng cho mọi đối tượng, các loại, các cỡ. Chất liệu vải không dệt, không chứa latex, tương thích sinh học Cấu trúc xếp lớp làm tăng độ bền chắc Lỗ gắn ống thổi của chăn được thiết kế linh động, có dây khóa để có thể kết nối được với nhiều loại ống thổi, phù hợp trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh	300	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
609	Chăn ủ ấm phía dưới thân cho trẻ sơ sinh cỡ nhỏ	Chăn sưởi ấm bệnh nhân dùng cho mọi đối tượng, các loại, các cỡ. Chất liệu vải không dệt SMMS, không chứa latex, tương thích sinh học, có lỗ nano trên bề mặt chăn. Cấu trúc xếp lớp làm tăng độ bền chắc, có lỗ nano trên bề mặt chăn Lỗ gắn ống thổi của chăn được thiết kế linh động, có dây khóa để có thể kết nối được với nhiều loại ống thổi. Nhiều kích thước	300	Cái
610	Chi co nướu 4.0	Giúp dễ đặt vào túi nướu và không bị bật lên, cấu trúc vòng xoắn.	1	Hộp
611	Chi nha khoa	Chi xia răng trong nha khoa	10	Cái
612	Chi thép chỉnh nha tròn 0.8	Bé móc chỉnh nha. Cuộn/ 125m	1	Cuộn
613	Chổi đánh bóng TPC hoặc tương đương	Đánh bóng và làm sạch răng, cùi răng, xoang trám	400	Cái
614	Cidex hoặc tương đương	Khử khuẩn mức độ cao: thời gian khử khuẩn nhanh tối đa 5 phút Dung dịch có thể sử dụng với nhiều loại dụng cụ y tế khác nhau bao gồm dụng cụ nội soi.	890	Lít
615	Co nối Y	Co nối, hình dạng chữ Y	131	Cái
616	Composite đặc A1,A2,A3 hoặc tương đương	Độ kháng mòn tốt, phù hợp cả vùng răng trước và răng sau	10	Cái
617	Composite lỏng A1,A2,A3 hoặc tương đương	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, loại lỏng - Tương thích với đèn quang trùng hợp	10	Cái
618	Côn chính các số	Dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha	4	Hộp
619	Côn giấy các số	Giấy thấm điểm giúp thấm khô ống tủy	4	hộp
620	Côn phụ các số	Vật liệu trám bít ống tủy răng (Xi măng hàn răng)	2	Hộp
621	Cone protaper hoặc tương đương	Sử dụng trám bít ống tủy	1	Hộp
622	Curiosin Gel (Hyaluronate kềm) hoặc tương đương	loại gel trong suốt, không màu, không làm bỏng da và quần áo chứa thành phần chính là Hyaluronate kềm; giúp lành vết loét	60	Tuýp
623	Đầu col không lọc 10µl	Dung tích: 10µl ; không lọc	10	Túi
624	Đầu col không lọc 100µl	Dung tích: 100µl ; không lọc	10	Túi
625	Đầu col không lọc 1000µl	Dung tích: 1000µl ; không lọc	10	Túi
626	Đầu col không lọc 200µl	Dung tích: 200µl ; không lọc	10	Túi
627	Đầu côn lọc 1000ul	Dung tích: 1000µl ; có lọc	100	hộp
628	Đầu côn lọc 100ul	Dung tích: 100µl ; có lọc	150	hộp
629	Đầu côn lọc 10ul	Dung tích: 10µl ; có lọc	150	hộp
630	Đầu côn lọc 1250ul	Dung tích: 1250µl ; có lọc	100	hộp
631	Đầu côn lọc 200ul	Dung tích: 200µl ; có lọc	100	hộp
632	Đầu côn lọc 20ul	Dung tích: 20µl ; có lọc	100	hộp
633	Đầu cone 5000	Dung tích: 5000µl không lọc	3.000	cái
634	Đầu dò mô thanh quản	Dùng cho máy Coblator II. Đầu có thể uốn cong.	2	Cái
635	Đầu dò mô VA - loại lớn (Coblator) hoặc tương đương	Thăng có thể uốn cong chiều dài làm việc là 6 inches (chưa kể phần tay cầm) Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút - Tương thích máy Coblator II	10	Cái
636	Đầu đo SpO2 kẹp, Nellcor, Nihon hoặc tương đương	Là loại cảm biến sử dụng nhiều lần. - Sử dụng ánh sáng LED đỏ và hồng ngoại để thu nhận tín hiệu với bước sóng lần lượt 660 ± 5 nm và 905 ± 5 nm. - Dải đo SpO2: 0 - 100% - Độ chính xác: ± 3% (70 - 100%) - Tương thích máy hãng Philips chuẩn Nellcor	54	Cái
637	Đầu nối 2 bơm tiêm, 2 đầu có khóa xoắn Đóng gói tiệt trùng	Đầu nối 2 bơm tiêm, 2 đầu có khóa xoắn Đóng gói tiệt trùng	12.000	cái
638	Dầu tay khoan nha khoa	Tính năng làm sạch nhanh, hiệu quả bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm và motor	3	Chai
639	Dây cung chỉnh nha các loại	Cấu tạo bằng thép không gỉ, khả năng định hình tốt	100	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
640	Dây đốt điện đơn cực sử dụng 1 lần	Vô khuẩn dùng 1 lần. Sử dụng tương thích máy cắt đốt điện KLS Martin hoặc tương đương	270	Cái
641	Dây garo	Chất liệu: Thun bản dệt Đặc điểm: Dây có độ co giãn tốt, băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc, dễ thao tác. Có thể sử dụng lại nhiều lần	616	Cái
642	Dây Silicone đường kính trong 1/4 (6mm)	Chất liệu silicon, đường kính trong 6mm, chịu nhiệt, đàn hồi	160	Cái
643	Dây vải treo tay	Dây quai vải đeo cổ có thể được điều chỉnh dễ dàng cho phù hợp với người sử dụng	500	cái
644	Điện cực đo ABR-Điện cực đo điện thính giác thân não Cái	Điện cực đo thính giác tương thích với máy đo thính lực trẻ em có ghi phù hợp model AD629 hãng Interacoustics.hoặc tương đương	360	Cái
645	Dụng cụ cắt bao quy đầu	* Thiết kế dạng pistol, dễ sử dụng, định khâu tự động, không có vòng cao su tránh nhiễm trùng * Kích thước gồm: 12mm đến 36mm	100	Cái
646	Dung dịch bơm rửa ống tủy NaOCl 3%	Dung dịch Sodium hypochlorite NaOCl 3%. Có tác dụng diệt khuẩn, sử dụng bơm rửa trong ống tủy	5	Chai
647	Dycal che tủy	Xi măng hàn răng	1	Cái
648	Elite Rock fast Cream - 3kg	Thạch cao Elite Rock để trộn, cân bằng Thyxotropy, độ bền nén cao đảm bảo giảm mài mòn và tăng độ chính xác hơn của mẫu hàm	4	Cái
649	Endomethasone	Dùng để trám bít ống tủy trong điều trị nội nha Có hoạt tính khử trùng và kháng viêm	1	Hộp
650	Eppendorf 1.5 - 1.7 ml sạch (tiệt trùng)	ống ly tâm 1.7(1.5ml); đóng gói vô trùng	15.000	Cái
651	Etching acid phosphorid 35%	Axit xói mòn sứ	6	Cây
652	Eugenol 30 ml	Thể tích 30ml; có tính kháng khuẩn và giảm đau	22	Chai
653	Face Shield	Chất liệu: tấm kính chắn được làm từ nhựa cao cấp, trong suốt, không gây tác hại cho mắt khi sử dụng. Công dụng: chống các giọt nước bắn vào mắt và mặt	120	Cái
654	falcon 15mL	Ống ly tâm thể tích 15ml	10	Cái
655	Gá mũi	Mềm và cong theo mũi. Không gây kích ứng da Kích cỡ được mã hoá bằng màu sắc, dễ phân biệt Đóng gói riêng biệt từng cái Chọn lựa size: Micro, Preemie, Newborn, Infant, Small, Medium, Large Dùng 01 lần Tương thích với máy thở cao tần Acutronic	250	Cái
656	Gaz EO	Tương thích với máy hấp nhiệt độ hấp 3M hoặc tương đương Sử dụng đơn liều an toàn, giúp giảm nguy cơ rò rỉ khí và phơi nhiễm EO.	2.200	Chai
657	GC Fuji VII	Chứa thành phần Strontium có khả năng cản quang và đông cứng	1	Cái
658	Gel bôi trơn	pH: 5 ± 0,5 , Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường.	1.100	Tuýt
659	Gel dùng cho máy ECMO	Gel không màu, không vô trùng, tan trong nước, không gây kích ứng	3	Tuýp
660	Gel siêu âm bình	Công thức gel thân nước Không chất ăn mòn, không gây mẫn cảm, không rát da	2000	kg
661	Gel siêu âm vô trùng đóng gói riêng lẻ	Gel trong không mùi Đóng gói vô trùng	600	Cái
662	Viên khử khuẩn	Dạng viên; có tính khử khuẩn	33	Hộp
663	Getinge clean	Dung dịch khử khuẩn tương thích máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao Getinge, gạch chi thị chuyển màu sau khi tiếp xúc với hơi nước.	150	Lít
664	Giấy cắn	cho đầu khớp cắn răng rõ ràng	6	hộp
665	Giấy in EO	Giấy in nhiệt tương thích máy hấp nhiệt độ thấp 3M hoặc tương đương	14	Cuộn
666	Giấy lau kính hiển vi	Tính năng lau kính hiển vi	19	Hộp
667	Giấy parafin	Cấu tạo: lớp màng nhựa và lớp giấy Tính năng quán kín nắp chai lọ	207	Miếng
668	Bao giầy	Không thấm nước	1.200	Đôi
669	Gạc hút dịch chống loét hetis PU Foam KT 200mm x 200mm hoặc tương đương	Gạc xốp; đóng gói vô trùng. Co giãn linh hoạt. Kích thước dày ít nhất 5mm, lưu băng ít nhất 7 ngày	12	Miếng

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
670	Băng xấp vết thương hetis sliver Foam KT 100mm x 100mm hoặc tương đương	Gạc xấp; đóng gói vô trùng. Co giãn linh hoạt. lưu băng ít nhất 7 ngày Độ dày: 4.5mm, -5.5mm	252	Miếng
671	Intubation stylet 10F hỗ trợ đặt NKQ (Cây thông nòng ống nội khí quản)	Để điều chỉnh uốn gấp. Kích thước 10F Đặc tính mềm, trơn dễ luồn	12	Cái
672	Intubation stylet 14F hỗ trợ đặt NKQ	Để điều chỉnh uốn gấp. Kích thước 14F Đặc tính mềm, trơn dễ luồn	12	Cái
673	Intubation stylet 6F hỗ trợ đặt NKQ	Để điều chỉnh uốn gấp. Kích thước 6F Đặc tính mềm, trơn dễ luồn	12	Cái
674	Kelly kẹp cannule	Chất liệu thép không rỉ an toàn	6	Cái
675	Khăn đặt Phẫu thuật 50 x 50cm	Vải không dệt chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Kích thước 50x50cm, 40g/m <sup>3</sup>	13.964	Cái
676	Khăn phẫu thuật 50 x 50cm có lỗ	Thành phần của vải không dệt, đã tiệt trùng. Kích thước 50cm x 50cm, có lỗ (1cái/gói)	26.530	Cái
677	Khăn phẫu thuật 60x80cm	Chất liệu: vải PP không dệt dày ít nhất 40gsm. Kích thước: 60 x 80cm Tiệt trùng	2.628	Cái
678	Khăn phẫu thuật 80 x 120cm	Chất liệu: vải PP không dệt dày ít nhất 40gsm. Kích thước: 80 x 120cm Tiệt trùng	4.740	Cái
679	Khăn phẫu thuật 80 x 120cm có lỗ	Thành phần: vải không dệt, tiệt trùng. Kích thước 80cm x 120cm, có lỗ (1cái/gói)	4.204	Cái
680	Khăn thấm	Vải không dệt, thấm nước nhanh Chức năng: Dùng trong phẫu thuật	16.000	Cái
681	Khăn ướt làm sạch và khử khuẩn bề mặt	Khăn không chứa cồn Làm sạch & khử khuẩn bề mặt	12000	Cái
682	Khâu chỉnh nha	Chức năng: Kháng lại lực nhai từ phái mặt cắn	40	Cái
683	Khẩu trang	Vải PP không dệt, không tiệt trùng, dây thun đeo tai	310.580	Cái
684	Khẩu trang N95	Không gây kích ứng da Tiêu chuẩn NIOSH ASTM F2100-20	71.462	Cái
685	Khẩu trang tiệt trùng, cột dây	Vải PP không dệt, 3 lớp, có dây cột, đóng gói tiệt trùng từng cái, có thanh nẹp mũi	74.560	Cái
686	Kim gai	Chức năng: Lấy tủy răng	12	Vi
687	Kim nha 30G	Chiều dài 10mm dùng trong nha khoa	50	Hộp
688	Kim nha 27G	Chiều dài (0,4x21MM) dùng trong nha khoa	900	Hộp
689	Lam kính thường	Làm bằng thủy tinh trong suốt, kính trơn Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3")	144000	Cái
690	lam kính nhám	Làm bằng thủy tinh trong suốt, mài nhám 1 đầu Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3")	144000	Cái
691	Tấm phủ lam kính (cover glass)	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 22x22mm	1.000	Cái
692	Tấm phủ lam kính (cover glass)	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 22x50mm	1.000	Cái
693	Lamen buồng đếm 20x26 mm	lam bằng thủy tinh, trong suốt, dùng cho buồng đếm tế bào, dày khoảng 0.4mm	100	Cái
694	Lentulo đỏ hoặc tương đương	Trâm đưa xi măng vào ống tủy	300	Cây
695	Lò xo chỉnh nha các loại	Cấu tạo dạng lò xo Chức năng: Chỉnh nha	2	Cuộn
696	Lọc than	Thành phần: Than hoạt tính Chức năng: dùng để lọc	12	Cục
697	Lọc thô	Chức năng: Lọc sơ cấp	12	Cục
698	Lưỡi dao bào lớn tương thích cán dao	Lưỡi dao bào Tương thích máy bào da TCM 3000BL hãng Nouvag	60	Cái
699	Lưỡi dao bào nhỏ tương thích cán dao	Lưỡi dao bào Tương thích máy bào da TCM 3000BL hãng Nouvag	120	Cái
700	Lưỡi dao Weck cắt lọc hoặc tương đương	Chức năng: dùng để cắt lọc	120	Cái
701	Màng che	Trong suốt, có màng bảo vệ trước khi sử dụng	720	Cái
702	Màng lọc gắn với bơm tiêm	Đường kính 25mm, kích thước lỗ lọc 0,2micron, đã tiệt trùng, 2 đầu có luer lock	13.800	Cái
703	Màng mô kháng khuẩn Ioban hoặc tương đương	Có chứa Iodine và phóng thích Iodine liên tục trong suốt quá trình phẫu thuật Dính chắc vào da và ria vết mổ Kích thước 35cm x 35cm	1.780	Miếng
704	Mão thép không gỉ	là mào đúc sẵn sử dụng trên răng duy trì chức năng và thẩm mỹ cho bộ răng sữa	1	Bộ
705	Mặt gương khám nha khoa	Mặt gương tròn, có tay cầm bằng kim loại	100	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
706	Miếng cán da	Chức năng: dùng để cán da	24	Cái
707	Mũi đánh bóng composite ngọn lửa hoặc tương đương	Mũi hình ngọn lửa	50	Cái
708	Mũi Gates số 1,2 hoặc tương đương	Chức năng: mở rộng và làm thẳng đường vào ống tủy. Quá trình này giúp tạo hình ống tủy, cho quá trình sửa soạn ống tủy thuận lợi hơn.	5	Cái
709	Muối viên tinh khiết	Cấu tạo dạng viên Chức năng: dùng trong chạy thận nhân tạo	1.360	Kg
710	Nạng nách trẻ em	Cấu tạo: Hợp kim nhôm Chức năng: dùng chống nách cho trẻ	50	Cặp
711	Nhựa chỉnh nha tự cứng	Dùng để trộn với nước tự cứng	500	Gram
712	Nón giấy phẫu thuật viên	Làm từ vải không dệt Đóng gói riêng biệt từng cái	54.034	Cái
713	Nước cất 2 lần	Được chưng cất 2 lần	1.755	Lít
714	Ống HCT	Cấu tạo: ống mao dẫn Chức năng: dùng để lấy máu xét nghiệm	9.018.000	Ống
715	Ống lấy máu kháng đông Chimigly 2ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông có Potassium Oxalate / Sodium Fluoride dùng cho thể tích máu 2ml	10.640	Ống
716	Ống lấy máu kháng đông EDTA 0.5ml nắp cao su	Ống lấy máu chứa chất kháng đông EDTA dùng cho thể tích máu 0.5ml, Chất liệu nhựa ,nắp cao su	32.500	Ống
717	Ống lấy máu kháng đông EDTA 2ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông EDTA dùng cho thể tích máu 2ml, nắp nhựa	41.560	Ống
718	Ống lấy máu kháng đông EDTA 1ml nắp cao su	Ống lấy máu chứa chất kháng đông EDTA dùng cho thể tích máu 1ml, nắp cao su	166.200	Ống
719	Ống lấy máu kháng đông Heparin 2ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông Heparin dùng cho thể tích máu 2ml, nắp nhựa	156.820	Ống
720	Ống máu lắng VS hoặc tương đương	ống lấy máu chứa chất chống đông sodium citrate 0.109M tương thích máy đo tốc độ lắng máu ESR 3000	11.824	Ống
721	Ống lấy máu kháng đông Chimigly 1ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông có Potassium Oxalate / Sodium Fluoride dùng cho thể tích máu 1ml, nắp nhựa	11.140	Ống
722	Ống nghiệm lấy máu Citrate 3,8% 2ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông Citrate 3,8% dùng cho thể tích máu 2ml, nắp nhựa	11.000	Ống
723	Ống nghiệm lấy máu Citrate 3,8% 1ml	Ống lấy máu chứa chất kháng đông Citrate 3,8% dùng cho thể tích máu 1ml, nắp nhựa	27.680	Ống
724	Ống nghiệm đựng mẫu nước tiểu	Làm từ nhựa PS, Trong suốt, Thể tích 10ml	1.000	Ống
725	Ống nghiệm nhựa 5ml	Làm bằng nhựa PP thể tích 5ml, không nhãn, không hạt silicagen	19.140	Ống
726	Ống nghiệm nhựa tiệt trùng 5ml	Làm bằng nhựa PS, có nắp, thể tích 5ml. Đóng gói tiệt trùng	6.800	Ống
727	Ống nghiệm Serum 5ml có hạt	Làm bằng nhựa PP thể tích 5ml, có nhãn, có hạt silicagen	14.060	Ống
728	Ống hút nước bọt nha khoa	Đeo, không gây đau, tổn thương khi sử dụng	15000	Cái
729	Pipet Pasteur 1ml không tiệt trùng hoặc tương đương	Làm bằng thủy tinh soda Đường kính đầu nhọn pipette: 1.1 ± 0.2 mm Chiều dài từ 150mm	50.000	Cái
730	Pipet Pasteur 1ml tiệt trùng hoặc tương đương	Làm bằng thủy tinh soda Đường kính đầu nhọn pipette: 1.1 ± 0.2 mm Chiều dài từ 150mm Đóng gói tiệt trùng	20	Thùng
731	Pipette nhựa	Ống hút trong suốt, độ dày phân bố đồng đều đảm bảo độ hút đồng đều, chia vạch rõ ràng, dễ sử dụng	600	Cái
732	Que cấy tiệt trùng 1µl	Que cấy vi sinh cán dài có đầu khuyên cấy hình tròn định lượng 1µl. Đóng gói tiệt trùng	15.000	Cái
733	Que cấy tiệt trùng 10µl	Que cấy vi sinh cán dài có đầu khuyên cấy hình tròn định lượng 10µl. Đóng gói tiệt trùng	20.000	Cái
734	Que đê lưỡi	Que bằng gỗ, tron láng, không bén cạnh.	1.000.000	Cái
735	Que tăm bông lấy bệnh phẩm	Que có đầu tăm bông kèm ống chứa sau lấy mẫu. Đóng gói tiệt trùng	370	Que
736	Que phết mũi	Que cán nhựa, đầu tăm bông phù hợp phết mũi, ty hầu, có khớp bé. Đóng gói tiệt trùng	2.500	Cái
737	Que Silver Nitrate 75% ( NITRAT BẠC)) hoặc tương đương	Thành phần: Nitrate 75%	2	Bộ
738	Que thử độ clo nước chạy thận	Chức năng: dùng để kiểm tra tồn dư Chlorine trong nước	480	que
739	Que thử độ cứng nước chạy thận	Chức năng: dùng để thử độ cứng trong nước chạy thận	480	que

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
740	Que thử tồn dư formaldehyde trong nước	Chức năng: dùng để kiểm tra Formaldehyde trong nước chảy thận	2.400	que
741	Râu cannula các cỡ	Kích cỡ: Các size Chức năng: Dùng trong thờ NCPAP trẻ em	68	Cái
742	Sáp lá hồng	dùng để ghi dấu khớp cắn, làm gói sáp, nền hồng	1	Hộp
743	Sò đánh bóng	Bột đánh bóng cao với không chứa gluten	100	Cái
744	Tạp dề phẫu thuật	Không cho dịch, nước thấm xuyên qua. Không gây kích ứng, không độc tố	25.230	Cái
745	Test 1243 hoặc tương đương	dùng cho chu trình diệt khuẩn 121 độ C và 132 – 134 độ C	10.200	Miếng
746	TEST 1251 hoặc tương đương	test hóa học dành cho quy trình tiệt trùng nhiệt độ thấp sử dụng khí EO. Có vạch chỉ thị màu	1.200	Miếng
747	Test EO	kiểm soát tiệt trùng vi sinh máy EO máy 3M	432	Ống
748	Test hóa học Plasma	Cung cấp tín hiệu chuyển màu rõ ràng từ màu đỏ sang màu xanh ngay sau khi phơi tiếp xúc với hơi H2O2	480	Miếng
749	Test hóa học Plasma 1348 hoặc tương đương	có khả năng giám sát độc lập cả ba thông số — thời gian, nhiệt độ và nồng độ VH2O2	480	Miếng
750	Test vi sinh EO 1294 hoặc tương đương	Bảo tử đề kháng cao, mật độ bào tử Bacillus Atropheus đạt tiêu chuẩn, đảm bảo cho ra kết quả sau 4h ủ	432	Ống
751	Thạch cao nha khoa	Thạch cao đổ mô hình răng dùng trong labo	6	Bịch
752	Than hoạt tính	Chức năng: hấp thụ vật lý các tạp chất, bụi bẩn	120	Gói
753	Thẻ xét nghiệm EG7+ hoặc tương đương	Hóa chất chẩn đoán xét nghiệm nhanh tạo chỗ dùng cho máy xét nghiệm máu cầm tay	3.500	Cái
754	Thun đóng khoản chỉnh nha các cỡ	Dùng trong nha khoa, thích hợp cho trẻ em	6	Cuộn
755	Thun mắc cài đủ màu	Dùng trong nha khoa, thích hợp cho trẻ em	60	Cây
756	Trâm dũa protaper hoặc tương đương	Trâm nội nha	6	Bộ
757	Trâm dũa reamer các cỡ hoặc tương đương	Trâm điều trị tủy răng	100	Cái
758	Trâm gai trắng	dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy	448	Vi
759	Trâm gai xanh	dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy	88	Vi
760	chất lấy dấu alginate hoặc tương đương	vật liệu lấy dấu trong lĩnh vực nha khoa	4	Cái
761	Túi dự trữ cho ambu	mặt nạ thở và bóng bóp dành cho trẻ sơ sinh và trẻ em	44	Cái
762	Túi hậu môn	băng dán chăm sóc vết thương, thân thiện với da, chống kích ứng da, có than hoạt tính khử mùi	15	Cái
763	Ultracare - thuốc tê thoa 30ml hoặc tương đương	Dùng bôi tê nước khi nhổ răng	30	Cái
764	VASELINE hoặc tương đương	Chức năng: dùng cấp ẩm, bôi trơn	170	Lọ
765	Vật liệu gắn mắc cài	dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài, sử dụng trong chỉnh hình hàm mặt	1	Bộ
766	Vật liệu trám tạm cavít	Dùng để trám lót trước khi trám hoàn tất	4	hũ
767	Vi sinh 1492 hoặc tương đương	giúp kiểm soát nhanh tiến trùng tiệt khuẩn bằng nồi hấp ướt	1.100	Ống
768	Vi sinh Sterrad 1295 hoặc tương đương	Sử dụng tương thích nồi hấp tiệt trùng Sterrad 100S	180	Ống
769	Vi sinh Sterrad 1348 hoặc tương đương	Sử dụng tương thích nồi hấp tiệt trùng Sterrad 100S	180	Ống
770	Vòi máy gây mê	Độ hấp thu CO2 ≥200 lít/Kg	612	kg
771	Vòng bảo vệ da	vòng bảo vệ da chống loét	500	Cái
772	Xi măng FujiPlus hoặc tương đương	Vật liệu gắn đa năng sử dụng được cho đa dạng các loại phục hình và tất cả các loại hình	2	Hộp
773	Xi măng hàn răng Tetric N-ceram refill hoặc tương đương	Ít co, lực co rất thấp. Có tính cân quang cao thích hợp để trám thẩm mỹ răng trước và răng sau	4	Tuýp
774	Xi măng phosphate kẽm hoặc tương đương	Thành phần: phosphate kẽm Sử dụng trong nha khoa, phù hợp cho trẻ nhỏ	2	Bộ
775	Xi măng trám FUJI IX GP EXTRA hoặc tương đương	vật liệu trám cân quang dành cho răng	220	Bộ
776	Xi măng xương không kháng sinh PALACOS MV hoặc tương đương	Sử dụng trong phẫu thuật chỉnh hình	1	Cái
777	Zince oxyde nha khoa hoặc tương đương	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm	10	lọ
778	Gel điện não	Sử dụng trong đo điện cơ và đo điện não Kết dính điện cực chèn khi đo điện não	60	Cái
779	Ống máu lắng VS hoặc tương đương	Ống lấy mẫu chứa chất chống đông sodium citrate 0.109M tương thích máy đo tốc độ lắng máu ESR 3000	11.800	Ống
780	Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 57mm, thăm dò điện sinh lý	Ống thông đốt với đầu Pt/Ir có thể bẻ cong 270 độ. Chiều dài 110 cm. đầu đốt 4 mm, chiều dài với của đầu điện cực 57mm.	5	Cái

STT	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
781	Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 48mm, thăm dò điện sinh lý	Ống thông đốt với đầu Pt/Ir có thể bẻ cong 270 độ. Chiều dài 110 cm. đầu đốt 4 mm, chiều dài với của đầu điện cực 48mm.	5	Cái